

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

-----o0o-----

**QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2558/QĐ-ĐHTM ngày 19/10/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

Hà Nội, 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BGDĐT ngày 27/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

Căn cứ Thông tư số 52/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học;

Căn cứ Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 22/4/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 14/10/2026 về việc thông qua Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo, Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; áp dụng từ khóa 63 đại học chính quy, khóa 17 đại học đào tạo từ xa, khóa 24 đại học liên kết đào tạo với nước ngoài và khóa tuyển sinh đại học vừa làm vừa học từ năm 2027.

Điều 3. Các Ông (Bà): Trường phòng Quản lý đào tạo, Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế; các đơn vị, cá nhân liên quan trong và ngoài Trường Đại học Thương mại chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để c/đạo);
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: VT, QLĐT, ĐTQT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

MỤC LỤC

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học	1
Điều 3. Chương trình đào tạo và thời gian học tập	2
Điều 4. Tổ chức đào tạo theo niên chế và theo tín chỉ	2
Điều 5. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo	3
Chương II. KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO	3
Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập	3
Điều 7. Tổ chức lớp học	4
Điều 8. Tổ chức đăng ký học tập	4
Điều 9. Học phí và thực hiện nghĩa vụ học phí	5
Điều 10. Tổ chức giảng dạy và học tập	5
Điều 11. Quản lý chất lượng đào tạo và dữ liệu đào tạo	7
Chương III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	7
Điều 12. Đánh giá học phần	7
Điều 13. Tính điểm thành phần và điểm học phần	7
Điều 14. Tổ chức kỳ thi hết học phần	9
Điều 15. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học	9
Điều 16. Xét cảnh báo học tập, buộc thôi học	10
Chương IV. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY	10
Điều 17. Thời gian học tập đối với hình thức đào tạo chính quy	10
Điều 18. Tổ chức đào tạo theo tín chỉ đối với hình thức đào tạo chính quy	11
Điều 19. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo đối với hình thức đào tạo chính quy	11
Điều 20. Kế hoạch giảng dạy và học tập đối với hình thức đào tạo chính quy	11
Điều 21. Khối lượng học tập và đăng ký học tập đối với hình thức đào tạo chính quy	12
Điều 22. Thời gian thu học phí đối với hình thức đào tạo chính quy	14
Điều 23. Quy trình tổ chức giảng dạy đối với hình thức đào tạo chính quy	14
Điều 24. Đánh giá học phần đối với hình thức đào tạo chính quy	15
Điều 25. Thời gian tổ chức thi hết học phần đối với hình thức đào tạo chính quy	15
Điều 26. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học đối với hình thức đào tạo chính quy	16
Điều 27. Xử lý kết quả học tập đối với hình thức đào tạo chính quy	17
Chương V. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA	18

Điều 28. Thời gian học tập đối với hình thức đào tạo từ xa.....	18
Điều 29. Tổ chức đào tạo theo tín chỉ đối với hình thức đào tạo từ xa.....	19
Điều 30. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo đối với hình thức đào tạo từ xa..	19
Điều 31. Kế hoạch giảng dạy và học tập đối với hình thức đào tạo từ xa	19
Điều 32. Khối lượng học tập và đăng ký học tập đối với hình thức đào tạo từ xa	20
Điều 33. Thời gian thu học phí đối với hình thức đào tạo từ xa	22
Điều 34. Quy trình tổ chức giảng dạy đối với hình thức đào tạo từ xa.....	22
Điều 35. Đánh giá học phần đối với hình thức đào tạo từ xa.....	22
Điều 36. Thời gian tổ chức thi hết học phần đối với hình thức đào tạo từ xa.....	23
Điều 37. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học đối với hình thức đào tạo từ xa	23
Điều 38. Xử lý kết quả học tập đối với hình thức đào tạo từ xa	24
Chương VI. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC	26
Điều 39. Thời gian học tập đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học	26
Điều 40. Tổ chức đào tạo theo niên chế đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học...	26
Điều 41. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học	26
Điều 42. Kế hoạch giảng dạy và học tập đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học..	27
Điều 43. Khối lượng học tập và đăng ký học tập đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học	27
Điều 44. Thời gian thu học phí đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học	28
Điều 45. Quy trình tổ chức giảng dạy đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học	28
Điều 46. Đánh giá học phần đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học	28
Điều 47. Thời gian tổ chức thi hết học phần đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học	29
Điều 48. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học	29
Điều 49. Xử lý kết quả học tập đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học	30
Chương VII. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TRONG NƯỚC	31
Điều 50. Hoạt động liên kết đào tạo trong nước và tuyển sinh các chương trình, ngành liên kết đào tạo	31
Điều 51. Các yêu cầu tối thiểu đối với cơ sở chủ trì đào tạo	31
Điều 52. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo.....	31

Chương VIII. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HÌNH THỨC LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NƯỚC NGOÀI.....	32
Điều 53. Yêu cầu đối với liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài	32
Điều 54. Thời gian học tập đối với hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài	32
Điều 55. Tổ chức đào tạo đối với hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài.....	33
Điều 56. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo đối với hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài	33
Điều 57. Kế hoạch giảng dạy và học tập đối với hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài.....	33
Điều 58. Khối lượng học tập và đăng ký học tập đối với hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài.....	34
Điều 59. Thời gian thu học phí đối với hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài	34
Điều 60. Quy trình tổ chức giảng dạy đối với hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài	35
Điều 61. Đánh giá học phần đối với hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài	35
Điều 62. Thời gian thi hết học phần đối với hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài	36
Điều 63. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học đối với hình thức đào tạo với nước ngoài.....	36
Điều 64. Xử lý kết quả học tập đối với hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài.....	37
Chương IX. TÍCH LŨY TÍN CHỈ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....	39
Điều 65. Đối tượng áp dụng và phạm vi học phần được đăng ký.....	39
Điều 66. Trách nhiệm quản lý của Trường và cơ sở giáo dục phổ thông	39
Điều 67. Quyền lợi và nghĩa vụ của học sinh	40
Điều 68. Thông báo về việc tích lũy tín chỉ giáo dục đại học đối với học sinh trung học phổ thông.....	40
Chương X. CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ.....	40
Điều 69. Chứng chỉ giáo dục đại học	40
Điều 70. Nguyên tắc xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ	40
Điều 71. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.....	42
Điều 72. Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ	42
Chương XI. THỰC TẬP VÀ LÀM TỐT NGHIỆP KHÓA HỌC; XÉT, CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP.....	43
Điều 73. Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học	43

Điều 74. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	44
Điều 75. Kỳ xét tốt nghiệp và Hội đồng xét tốt nghiệp	44
Điều 76. Cấp bằng tốt nghiệp, cấp chứng nhận học phần.....	45
Chương XII. CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP, XỬ LÝ VI PHẠM CỦA SINH VIÊN.....	46
Điều 77. Nghỉ học tạm thời, thôi học.....	46
Điều 78. Chuyển ngành, chuyển Trường, chuyển hình thức đào tạo.....	47
Điều 79. Trao đổi sinh viên và hợp tác đào tạo.....	48
Điều 80. Học cùng lúc hai chương trình	50
Điều 81. Học chương trình tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ.....	51
Điều 82. Đào tạo liên thông để cấp văn bằng trình độ đại học	51
Điều 83. Xử lý vi phạm đối với sinh viên.....	52
Chương XIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	53
Điều 84. Xây dựng và thực hiện quy chế của Trường	53
Điều 85. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin	53
Điều 86. Điều khoản chuyển tiếp.....	54

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2558/QĐ-ĐHTM ngày 19 tháng 10 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học; triển khai các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo; chứng chỉ giáo dục đại học; các nội dung khác có liên quan thuộc quy chế đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Thương mại (sau đây gọi tắt là Trường) theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên thuộc hình thức đào tạo chính quy (bao gồm sinh viên thuộc các chương trình đào tạo chính quy, song bằng quốc tế, liên kết đào tạo với nước ngoài) và hình thức đào tạo thường xuyên (bao gồm sinh viên thuộc các chương trình đào tạo từ xa và vừa làm vừa học) (sau đây gọi tắt là sinh viên); các đơn vị, cá nhân liên quan trong và ngoài Trường.

3. Đối với các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài và song bằng quốc tế, quy chế này áp dụng đối với phần chương trình đào tạo do Trường quản lý.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học

1. Hoạt động đào tạo trình độ đại học được tổ chức theo chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, điều kiện bảo đảm chất lượng và trách nhiệm giải trình của Trường; việc bảo đảm chất lượng đào tạo không phụ thuộc hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo, địa điểm đào tạo hoặc môi trường đào tạo.

2. Trường được tự chủ tổ chức đào tạo, lựa chọn phương thức tổ chức đào tạo, công nhận kết quả học tập, hỗ trợ lộ trình học tập linh hoạt của sinh viên; đồng thời chịu trách nhiệm giải trình về chuẩn đầu ra, điều kiện bảo đảm chất lượng, tính xác thực của kết quả đánh giá, dữ liệu đào tạo và quyền lợi hợp pháp của sinh viên.

3. Bảo đảm quyền học tập, quyền được tiếp cận thông tin, quyền được hỗ trợ học tập và quyền được đối xử công bằng của sinh viên.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, liêm chính học thuật, tuân thủ chuẩn mực đạo đức, nguyên tắc chuyên môn trong tổ chức, quản lý và thực hiện hoạt động đào tạo.

5. Tạo điều kiện để sinh viên học tập suốt đời, học tập linh hoạt, học tập cá thể hóa; công nhận và chuyển đổi kết quả học tập đã tích lũy theo quy định.

6. Bảo đảm sự thống nhất, liên thông trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và thúc đẩy khả năng liên thông, công nhận kết quả học tập với giáo dục đại học quốc tế.

7. Đối với chương trình đào tạo do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng, việc xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, đánh giá, cấp văn bằng và bảo đảm chất lượng thực hiện theo pháp luật về hợp tác, đầu tư, liên kết đào tạo với nước ngoài, thỏa thuận hợp tác hợp pháp giữa các bên và các quy định của Quy chế này nếu không trái với pháp luật có liên quan, đồng thời bảo đảm yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra không thấp hơn quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được áp dụng thống nhất đối với các hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng sinh viên. Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành đào tạo khác, khối lượng học tập phải thực hiện được xác định trên cơ sở công nhận hoặc chuyển đổi tín chỉ, miễn trừ học phần theo quy định của chương trình đào tạo và quy chế của Trường.

2. Trường công bố kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa của từng chương trình đào tạo đối với từng hình thức đào tạo, bảo đảm sinh viên hoàn thành chương trình trong thời gian đào tạo chuẩn theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo chuẩn của hình thức đào tạo thường xuyên phải dài hơn ít nhất một phần tư ($1/4$) so với thời gian đào tạo chuẩn của cùng chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy.

3. Thời gian đào tạo tối thiểu để hoàn thành chương trình đào tạo không ít hơn hai phần ba ($2/3$) thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo, và thời gian đào tạo tối đa không vượt quá 2,0 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo. Quy định chi tiết thời gian học tập đối với từng hình thức đào tạo tại Điều 17, 28, 39 và 54 của Quy chế này.

4. Chương trình đào tạo áp dụng với sinh viên liên thông là chương trình đào tạo hiện hành do Trường ban hành và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Khối lượng học tập thực tế của sinh viên liên thông được xác định trên cơ sở kết quả công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ; sinh viên phải hoàn thành các học phần và yêu cầu học tập còn lại để đáp ứng chuẩn đầu ra và điều kiện tốt nghiệp của chương trình đào tạo.

6. Sinh viên được xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập cá nhân để hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tối thiểu và thời gian tối đa theo quy định của Trường và Quy chế này.

Điều 4. Tổ chức đào tạo theo niên chế và theo tín chỉ

1. Trường tổ chức đào tạo theo niên chế và theo tín chỉ. Quy định chi tiết tổ chức đào tạo đối với từng hình thức đào tạo tại Điều 18, 29, 40 và 55 của Quy chế này.

2. Sinh viên có chứng chỉ giáo dục đại học còn thời hạn quy định tại Quy chế này được Trường công nhận, thay thế học phần tương đương trong chương trình đào tạo.

Điều 5. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo

1. Trường áp dụng đồng thời phương thức tổ chức đào tạo trực tiếp và phương thức tổ chức đào tạo từ xa. Quy định chi tiết hình thức và phương thức tổ chức đào tạo đối với từng hình thức đào tạo tại Điều 19, 30, 41 và 56 của Quy chế này.

2. Đối với phương thức tổ chức đào tạo từ xa, Trường phải đáp ứng các yêu cầu về việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học và các yêu cầu sau đây:

a) Hệ thống tổ chức đào tạo từ xa bao gồm quy chế quản lý, bộ phận quản lý, đội ngũ giảng viên và nhân sự hỗ trợ, hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống kiểm tra, đánh giá, hạ tầng kỹ thuật và thư viện số đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo;

b) Hoạt động phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải có hệ thống quản lý học tập, học liệu số, cơ chế xác thực danh tính sinh viên, cơ chế theo dõi tiến độ học tập, lưu trữ dữ liệu giảng dạy - học tập - đánh giá, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin, liên chính học thuật và hỗ trợ kỹ thuật, học thuật cho sinh viên;

c) Giáo trình, học liệu, bài giảng điện tử, kế hoạch học tập, dữ liệu về hoạt động giảng dạy, học tập và kết quả đánh giá của sinh viên được quản lý, lưu trữ trên LMS theo quy định của pháp luật.

3. Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường trước khi tuyển sinh các nội dung tối thiểu gồm: hình thức đào tạo; phương thức tổ chức đào tạo; chương trình thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải công bố tỷ lệ thời lượng giảng dạy được tổ chức theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa; kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo; danh mục học liệu chính, học liệu bổ trợ cho từng học phần; phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá; các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ tổ chức đào tạo.

Chương II

KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Một năm học có 02 hoặc 03 học kỳ chính với tổng số tuần tối thiểu học trên lớp là 30 tuần học tập, giảng dạy và hoạt động đào tạo theo kế hoạch. Ngoài các học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.

2. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc từ xa), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khóa học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố tối thiểu trước 04 tuần bắt đầu ngày học chính thức.

3. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khóa học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu của các lớp học được bố trí đều trong các buổi trong tuần của học kỳ.

4. Quy định chi tiết kế hoạch giảng dạy và học tập đối với từng hình thức đào tạo tại Điều 20, 31, 42 và 57 của Quy chế này.

Điều 7. Tổ chức lớp học

1. Lớp hành chính

a) Lớp hành chính là lớp sinh viên được tổ chức theo khóa tuyển sinh, theo ngành và chương trình đào tạo; được duy trì ổn định trong cả khóa học, đảm bảo nguyên tắc quản lý toàn diện sinh viên gắn với tổ chức của Khoa/Viện/Phòng Quản lý đào tạo (gọi tắt là đơn vị quản lý sinh viên).

b) Mỗi lớp hành chính thuộc hình thức đào tạo chính quy có 01 cố vấn học tập theo quy định của Trường.

c) Mỗi lớp hành chính thuộc hình thức đào tạo thường xuyên có 01 cán bộ quản lý và 01 cán bộ hỗ trợ học tập thuộc Phòng Quản lý đào tạo.

2. Lớp học phần

a) Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần, được ký hiệu bằng một mã số riêng theo năm học, dựa vào kết quả đăng ký học tập được duyệt của sinh viên và được đơn vị quản lý đào tạo thành lập theo quy định chung theo từng học kỳ.

b) Đơn vị quản lý đào tạo chỉ định cán sự lớp học phần gồm 01 lớp trưởng và 01 lớp phó ngay trong tuần đầu của học kỳ, đồng thời gửi danh sách cán sự lớp học phần về đơn vị quản lý sinh viên và Bộ môn giảng dạy học phần. Giảng viên phụ trách học phần thông báo cán sự lớp học phần trước lớp ngay từ buổi học đầu tiên.

c) Cán sự lớp học phần là đại diện cho quyền lợi và trách nhiệm học tập của tập thể lớp học phần. Cán sự lớp học phần có nhiệm vụ làm đầu mối liên hệ giữa giảng viên và sinh viên của lớp học phần, thông báo tới lớp những vấn đề do giảng viên yêu cầu, phản ánh tình hình học tập của sinh viên cho giảng viên.

3. Lớp thảo luận

Là hình thức tổ chức lớp trên cơ sở lớp học phần để triển khai hoạt động thảo luận trên lớp. Tùy điều kiện cụ thể về phòng học, lớp, giáo viên, đơn vị quản lý đào tạo bố trí lớp thảo luận có quy mô phù hợp.

Điều 8. Tổ chức đăng ký học tập

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Trường hướng dẫn sinh viên đăng ký học tập trên hệ thống đăng ký học tập.

2. Sinh viên học theo tín chỉ đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có).

3. Sinh viên học theo niên chế đăng ký học lại những học phần chưa đạt dự định sẽ học trong học kỳ, đăng ký học cải thiện điểm hoặc đăng ký học những học phần tự chọn theo quy định của chương trình đào tạo.

4. Khối lượng học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ nằm trong khung như sau:

- a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn $\frac{2}{3}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn, trừ học kỳ cuối khóa hoặc các trường hợp đặc biệt;
- b) Khối lượng tối đa không vượt quá $\frac{3}{2}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn, trừ trường hợp sinh viên có học lực từ loại Khá trở lên.

5. Quy định chi tiết khối lượng học tập và đăng ký học tập đối với từng hình thức đào tạo tại Điều 21, 32, 43 và 58 của Quy chế này.

6. Sinh viên không đăng ký học tập trong học kỳ chính mà không được sự cho phép của Trường xem như tự ý bỏ học và phải chịu hình thức kỷ luật theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

Điều 9. Học phí và thực hiện nghĩa vụ học phí

1. Học phí của sinh viên được xác định trên cơ sở số tín chỉ của các học phần sinh viên đăng ký và được Trường chấp nhận trong từng học kỳ và đơn giá học phí áp dụng cho ngành, chương trình, hình thức và khóa đào tạo.

2. Nghĩa vụ học phí của sinh viên trong từng học kỳ được xác định trên cơ sở kết quả đăng ký học tập chính thức sau khi kết thúc thời hạn đăng ký, rút bớt, bổ sung hoặc điều chỉnh học phần theo quy định của Quy chế này. Trường sẽ thông báo cho sinh viên về số học phí phải nộp, thời gian và phương thức nộp học phí trước thời điểm thu học phí.

3. Việc miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các chính sách hỗ trợ sinh viên được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Trường. Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn hoặc có lý do chính đáng có thể đề nghị gia hạn thời hạn nộp học phí. Hồ sơ, trình tự, thẩm quyền và thời gian gia hạn thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính đối với sinh viên của Trường.

4. Sinh viên không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định tại khoản 2 Điều này sẽ bị xử lý như sau:

- a) Không được tham dự thi kết thúc học phần trong kỳ học;
- b) Chịu hình thức kỷ luật theo quy định về công tác sinh viên của Trường.

5. Người học đóng học phí qua ngân hàng thương mại được Trường liên kết và chỉ định thu. Sau khi thực hiện việc đóng học phí, người học sẽ nhận được hóa đơn điện tử gửi tự động vào email cá nhân đã được đăng ký với Trường.

6. Thời gian và việc tổ chức thu học phí đối với từng hình thức đào tạo được quy định cụ thể tại Điều 22, Điều 33, Điều 44 và Điều 59 của Quy chế này.

Điều 10. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c) Có cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên.

2. Phương thức tổ chức đào tạo

a) Trường tổ chức các lớp học theo phương thức trực tiếp, từ xa khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất, điều kiện bảo đảm chất lượng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa tương đương lớp học phương thức trực tiếp;

b) Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy định chi tiết quy trình tổ chức giảng dạy đối với từng hình thức đào tạo tại Điều 23, 34, 45 và 60 của Quy chế này.

4. Hằng năm Trường lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học thông qua hòm thư góp ý và phiếu đánh giá chất lượng đào tạo. Tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên được công khai theo quy định của Trường.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn sinh viên

a) Ngoài các trách nhiệm chung theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường, giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn sinh viên còn có các trách nhiệm sau:

- Thực hiện đúng theo thời khóa biểu được phân công;
- Truyền đạt, cung cấp kiến thức, kỹ năng cho sinh viên; đồng thời có vai trò động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên học tập một cách hiệu quả bằng cách giới thiệu tài liệu học tập và đánh giá quá trình học tập của sinh viên trung thực, khách quan;
- Trả điểm chuyên cần, thực hành và điểm thi học phần... theo đúng Quy định hoạt động khảo thí của Trường.

b) Giảng viên được hưởng đầy đủ quyền hạn theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.

6. Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành, thực tập, làm tốt nghiệp và các hoạt động học tập khác

a) Ngoài các trách nhiệm chung theo Quy định về công tác sinh viên của Trường, sinh viên còn có các trách nhiệm sau:

- Nghiêm túc thực hiện theo đúng thời khóa biểu, tham gia đầy đủ các buổi học, hoàn thành các nội dung học tập theo yêu cầu của giảng viên và các nghĩa vụ khi được phân công theo từng lớp học phần;

- Đối với các học phần tổ chức học tập tại đơn vị thực tế hoặc đơn vị liên kết đào tạo, sinh viên phải nghiêm túc thực hiện các quy định theo sự hướng dẫn của Khoa/Viện quản lý và đơn vị thực tế/đơn vị liên kết đào tạo.

b) Sinh viên được hưởng đầy đủ quyền hạn theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.

7. Việc thực hiện lớp học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa bảo đảm nguyên tắc chất lượng như lớp học trực tiếp.

Điều 11. Quản lý chất lượng đào tạo và dữ liệu đào tạo

1. Trường thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong đối với hoạt động đào tạo trình độ đại học; định kỳ rà soát chương trình đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo, hoạt động đánh giá, điều kiện bảo đảm chất lượng và kết quả đầu ra của sinh viên.

2. Trường quản lý đầy đủ, chính xác, an toàn dữ liệu về tuyển sinh, đăng ký học tập, quá trình học tập, đánh giá, công nhận tín chỉ, cảnh báo học tập, kỷ luật, tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ và tình trạng việc làm sau tốt nghiệp; cập nhật dữ liệu theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trường giải trình, khắc phục hoặc xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện vi phạm hoặc nguy cơ không bảo đảm chất lượng.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 12. Đánh giá học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu ba điểm thành phần, trong đó điểm thi cuối kỳ có trọng số tối thiểu 50%; đối với các học phần có khối lượng học tập nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có hai điểm đánh giá; đối với dự án/đồ án/khóa luận tốt nghiệp có thể chỉ có một điểm đánh giá.

2. Quy định chi tiết đánh giá học phần đối với từng hình thức đào tạo tại Điều 24, 35, 46 và 61 của Quy chế này.

Điều 13. Tính điểm thành phần và điểm học phần

1. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc các thang điểm khác do Trường quy định đáp ứng chuẩn đầu ra học phần, chương trình đào tạo. Phương

pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương của mỗi học phần.

2. Việc đánh giá kết quả học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần và được quy định chi tiết tại Quy định khảo thí của Trường; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá dự án, đồ án, khóa luận được thực hiện từ xa khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá từ xa được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và sinh viên;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ từ xa được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

3. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không); sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

4. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn đến hàng phần trăm và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm c khoản này.

a) Điểm học phần có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

- Loại đạt:
 - A: từ 8,50 đến 10,0;
 - B+: từ 7,91 đến 8,49;
 - B: từ 7,00 đến 7,90;
 - C+: từ 6,41 đến 6,99;
 - C: từ 5,50 đến 6,40;
 - D+: từ 4,91 đến 5,49;
 - D: từ 4,00 đến 4,90.

- Loại không đạt: F: dưới 4,00.

b) Điểm học phần loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập (học phần Giáo dục thể chất):

P: từ 5,00 trở lên.

c) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

- I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra theo quy định tại khoản 8 Điều này;

- X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

- R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ

5. Học lại, thi và học cải thiện điểm:

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại Quy chế này;

b) Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm theo quy định tại Quy chế này.

6. Việc xếp loại các mức điểm A, B+, B, C+, C, D+, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm thành phần, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có điểm thi kết thúc học phần;

c) Chuyển đổi từ điểm X qua;

d) Điểm học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

7. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu tại khoản 4 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi và phải nhận mức điểm F theo quy định.

8. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng trong trường hợp sinh viên không thể tham dự thi kết thúc học phần vì các lý do bất khả kháng (ốm đau hoặc tai nạn,...), được Trường đơn vị quản lý đào tạo cho phép hoãn thi.

Điều 14. Tổ chức kỳ thi hết học phần

1. Quy định chi tiết thời gian tổ chức thi hết học phần đối với từng hình thức đào tạo tại Điều 25, 36, 47 và 62 của Quy chế này.

2. Sinh viên đủ điều kiện dự thi hết học phần được dự thi một lần và phải dự thi theo đúng lịch thi do Trường quy định. Sinh viên vắng thi có lý do theo quy định tại khoản 8 Điều 13 Quy chế này được dự thi học phần vắng thi vào kỳ thi kế tiếp.

3. Thời gian dành cho ôn thi hết học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó và đảm bảo tối thiểu 0,5 ngày ôn thi cho 1TC.

4. Hiệu trưởng quy định việc ra đề thi, xét và công bố điều kiện dự thi, hình thức và thời gian thi, công tác coi thi và chấm thi học phần, việc xem xét lại điểm bài thi, đánh giá học phần và lưu giữ bài thi trong Quy định hoạt động khảo thí của Trường.

Điều 15. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học dựa trên kết quả các học phần thuộc chương trình đào tạo theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc từ đầu khóa học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình chung tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Quy định chi tiết đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học tại Điều 26, 37, 48 và 63 của Quy chế này.

3. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến hàng phần trăm. Quy định chi tiết xếp loại học lực của sinh viên đối với từng hình thức đào tạo tại Điều 26, 37, 48 và 63 của Quy chế này.

4. Trình độ của sinh viên theo năm học:

a) Sinh viên được xếp trình độ theo năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;
- Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;
- Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;
- Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$;
- Trình độ năm thứ sáu: $5M \leq N < 6M$.

b) N và M theo quy định tại điểm a Khoản này không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Điều 16. Xét cảnh báo học tập, buộc thôi học

1. Quy định chi tiết Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học đối với từng hình thức đào tạo tại Điều 27, 38, 49 và 64 của Quy chế này.

2. Quy định chi tiết quy trình xét cảnh báo học tập, buộc thôi học đối với từng hình thức đào tạo tại Điều 27, 38, 49 và 64 của Quy chế này.

Chương IV

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 17. Thời gian học tập đối với hình thức đào tạo chính quy

1. Thời gian học tập chuẩn toàn khoá đối với sinh viên có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương là 4 năm.

2. Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể lựa chọn rút ngắn (học theo tiến độ nhanh) hoặc kéo dài (học theo tiến độ chậm) thời gian học tập theo quy định chung như sau:

a) Thời gian học tập toàn khóa tối thiểu là 3 năm (rút ngắn tối đa tương đương 2 học kỳ chính);

b) Thời gian học tập toàn khóa tối đa là 8 năm.

Điều 18. Tổ chức đào tạo theo tín chỉ đối với hình thức đào tạo chính quy

1. Đào tạo theo tín chỉ là cách thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

2. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

3. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 19. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo đối với hình thức đào tạo chính quy

1. Hoạt động giảng dạy có sự hiện diện đồng thời, tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên, được tổ chức tập trung tại Trường trong khung giờ từ 6 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7 chiếm trên 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh); phần được thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa và phần thực hiện tại cơ sở phối hợp liên kết đào tạo trong nước và phần được công nhận, chuyển đổi tín chỉ cộng lại không vượt quá 50%.

2. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng phương thức tổ chức đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và từ xa. Phần được thực hiện theo phương thức đào tạo từ xa đồng thời phải đáp ứng được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sinh viên theo học tập trung toàn thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa và thời khóa biểu do Trường bố trí; được tuyển sinh theo kế hoạch chung cho tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 20. Kế hoạch giảng dạy và học tập đối với hình thức đào tạo chính quy

1. Một năm học có 02 học kỳ chính (học kỳ 1 và học kỳ 2), mỗi học kỳ có tối thiểu 18 tuần thực học và thi (trừ học kỳ đầu của khóa học). Ngoài các học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ (học kỳ 3), có từ 4 đến 6 tuần học và thi.

2. Kế hoạch học kỳ được xây dựng và công bố tối thiểu trước 04 tuần bắt đầu ngày học chính thức (trừ học kỳ đầu của khóa học), bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

3. Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các buổi trong tuần của học kỳ.

4. Việc tổ chức các học phần thực hành, thực tập, thực tế nghề nghiệp cho sinh viên tại đơn vị thực tế phải được ký hợp đồng/thỏa thuận hợp tác giữa Khoa/Viện quản lý chương trình đào tạo với đơn vị thực tế. Mỗi học phần phải lên kế hoạch cụ thể về nội dung, thời gian học tập/thực hành/thực tế.

5. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với học phần bất kỳ không vượt quá 25 giờ/tuần. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 21. Khối lượng học tập và đăng ký học tập đối với hình thức đào tạo chính quy

1. Mỗi học kỳ chính, sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập tối thiểu 12TC. Số lượng tín chỉ tối đa sinh viên được đăng ký tùy thuộc vào xếp hạng học lực, cụ thể như sau:

a) Sinh viên đang trong thời gian xếp loại học lực từ Trung bình trở xuống tính theo điểm trung bình tích lũy được đăng ký tối đa 23TC;

b) Sinh viên đang trong thời gian xếp loại học lực từ Khá trở lên tính theo điểm trung bình tích lũy được đăng ký tối đa 25TC.

2. Quy định về khối lượng đăng ký học tập tại khoản 1 Điều này không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh. Quy định về khối lượng đăng ký học tập tối thiểu từng học kỳ không áp dụng đối với sinh viên năm cuối khóa hoặc sinh viên đã quá thời gian học tập 4 năm tại Trường. Các trường hợp khác do Hiệu trưởng quy định.

3. Thủ tục đăng ký học tập

a) Hai học kỳ đầu của khóa học, sinh viên học theo kế hoạch giảng dạy của Trường. Từ học kỳ thứ 3 trở đi, sinh viên đăng ký học theo trình tự sau:

- Trước mỗi học kỳ chính ít nhất 6 tuần, Trường thông báo đăng ký học tập cho sinh viên trên cổng đào tạo của Trường;

- Sinh viên thực hiện đăng ký học tập; xem kết quả đăng ký và thời khóa biểu học tập trên cổng đào tạo của Trường.

b) Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn quy mô tối thiểu quy định/1 lớp học phần do Hiệu trưởng quyết định tùy thuộc vào tính chất học phần, trong từng giai đoạn cụ thể, lớp học phần sẽ không được tổ chức. Trong trường hợp này đối với các học phần tự chọn, đơn vị quản lý đào tạo sẽ chủ động điều chuyển sinh viên sang học học phần tự chọn khác cùng nhóm có tổ chức lớp học phần và thông báo cho sinh viên biết. Ngay sau khi đơn vị quản lý đào tạo điều chuyển, nếu sinh viên không nhất trí với phương án điều chuyển, phải có ý kiến phản hồi cho đơn vị, sinh viên có thể làm đơn xin chuyển sang học học phần tự chọn khác cùng nhóm có tổ chức lớp học phần. Sinh viên không có ý kiến phản hồi coi như chấp nhận học phần được điều chuyển.

c) Trước khi bắt đầu học kỳ ít nhất 1 tuần, Trường thông báo thời khóa biểu chính thức của học kỳ trên cổng đào tạo. Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu và phản ánh những sai lệch (nếu có) với đơn vị quản lý đào tạo trước khi bắt đầu học kỳ (kể cả trường hợp trùng lịch học lớp học phần).

d) Trong 5 tuần đầu của mỗi học kỳ chính, Trường thông báo hình thức thi, lịch thi dự kiến của các học phần trên cổng đào tạo của Trường.

đ) Thủ tục đăng ký của học kỳ phụ được thực hiện tương tự như ở học kỳ chính và được thông báo cụ thể bằng văn bản ít nhất 4 tuần trước học kỳ.

4. Quy định về khối lượng và thời gian đăng ký học

a) Mỗi học kỳ chính, sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập tối thiểu và tối đa theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

b) Học kỳ phụ là học kỳ không bắt buộc đối với sinh viên. Việc đăng ký trong học kỳ 3 và những trường hợp đặc biệt sẽ được thông báo cụ thể bằng văn bản trước học kỳ.

5. Đăng ký học lại, học cải thiện điểm

a) Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt.

b) Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

c) Sinh viên có học phần đạt mức D, D+, C, C+, B, B+ được phép đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy ở các học kỳ tiếp theo. Điểm của học phần sẽ là điểm cao nhất trong các lần học. Số tín chỉ của học phần cải thiện bị điểm F sẽ không tính trong tổng số tín chỉ bị điểm F để hạ bậc tốt nghiệp.

d) Đối với học phần tự chọn, nếu sinh viên tích lũy số tín chỉ nhiều hơn yêu cầu của từng khối kiến thức trong chương trình đào tạo, khi xét tốt nghiệp, Trường sẽ xác định số học phần tự chọn đã tích lũy để đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo trên nguyên tắc bảo đảm đủ số tín chỉ theo yêu cầu của từng khối kiến thức và kết quả tính điểm trung bình tích lũy của sinh viên là cao nhất. Trường hợp sinh viên muốn lấy tất các học phần tự chọn đã học, phải làm đơn gửi đơn vị quản lý đào tạo chậm nhất 2 tuần trước ngày Hội đồng học xét tốt nghiệp.

6. Bổ sung hoặc rút bớt các học phần sau khi đăng ký được duyệt

Mỗi học kỳ chính, Trường tổ chức 2 đợt đăng ký rút bớt và đăng ký bổ sung học phần. Việc đăng ký rút bớt hoặc bổ sung học phần được tiến hành tương tự như đăng ký lần đầu, với các quy định cụ thể như sau:

a) Đăng ký rút bớt hoặc bổ sung học phần trước khi bắt đầu học kỳ chính:

Trước khi bắt đầu học kỳ chính, Trường tổ chức đăng ký rút bớt và đăng ký bổ sung học phần đợt 1 cho các sinh viên có nhu cầu điều chỉnh kế hoạch học tập đã đăng

ký. Lịch đăng ký rút bớt, bổ sung học phần sẽ được thông báo cùng với lịch đăng ký học tập lần đầu. Việc đăng ký rút bớt học phần được tiến hành trước đăng ký bổ sung học phần và phải hoàn thành trước khi bắt đầu học kỳ chính ít nhất 2 tuần.

b) Đăng ký rút bớt hoặc bổ sung học phần trong học kỳ chính:

Trong học kỳ chính, Trường tổ chức đăng ký rút bớt và đăng ký bổ sung học phần đợt 2. Sinh viên đã đăng ký rút bớt ở tuần thứ nhất thì không được phép đăng ký bổ sung học phần ở tuần thứ 2 đầu học kỳ. Thời gian đăng ký rút bớt và đăng ký bổ sung học phần được quy định như sau:

- Sinh viên đăng ký rút bớt học phần trong tuần thứ nhất của học kỳ chính. Sinh viên chỉ được đăng ký rút bớt học phần trong học kỳ chính nếu số lượng sinh viên của lớp học phần có nhu cầu rút bớt lớn hơn quy mô tối thiểu/1 lớp học phần do Hiệu trưởng quyết định tùy thuộc vào tính chất học phần, trong từng giai đoạn cụ thể;

- Sinh viên đăng ký bổ sung học phần trong tuần thứ hai của học kỳ chính.

c) Sinh viên không được phép đăng ký rút bớt hoặc đăng ký bổ sung học phần trong học kỳ phụ. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

d) Điều kiện rút bớt hoặc bổ sung học phần:

- Không vi phạm khoản 1 và 2 Điều này;
- Được đơn vị quản lý đào tạo chấp nhận.

Điều 22. Thời gian thu học phí đối với hình thức đào tạo chính quy

1. Đối với học kỳ chính:

a) Học kỳ thứ nhất, sinh viên nộp học phí theo thông báo nhập học của Trường và các thông báo bổ sung khác (nếu có).

b) Từ học kỳ thứ hai, sau khi kết thúc thời hạn đăng ký, rút bớt, bổ sung và điều chỉnh học phần theo quy định tại Điều 21 của Quy chế này, Trường xác định số tín chỉ chính thức làm căn cứ tính học phí và thông báo số học phí phải nộp cho sinh viên. Sinh viên sẽ thực hiện nộp học phí theo thông báo cụ thể của Trường.

2. Đối với học kỳ phụ, học phí được xác định căn cứ vào số tín chỉ của các học phần sinh viên đăng ký và được Trường chấp nhận. Trường sẽ thông báo số học phí phải nộp và thời hạn thu học phí trước khi bắt đầu học kỳ phụ.

Điều 23. Quy trình tổ chức giảng dạy đối với hình thức đào tạo chính quy

1. Dựa trên kế hoạch học kỳ, đơn vị quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu dự kiến, gửi các đơn vị quản lý học phần.

2. Đơn vị quản lý học phần phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại đơn vị quản lý đào tạo.

3. Đơn vị quản lý đào tạo thực hiện:

a) Đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên cổng đào tạo của Trường để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- b) Tổ chức đăng ký học tập;
- c) Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;
- d) Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chương trình đào tạo và đơn vị quản lý học phần;
- đ) Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu.

Điều 24. Đánh giá học phần đối với hình thức đào tạo chính quy

1. Đối với các học phần lý thuyết và thực hành/thảo luận:

a) Điểm đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được đánh giá qua ba điểm thành phần với trọng số quy định như sau: Điểm chuyên cần (0,1); điểm thực hành (0,3); điểm thi kết thúc học phần (0,6);

b) Nếu điểm thi kết thúc học phần bằng 0 điểm (điểm liệt), thì điểm học phần đó bằng 0 điểm.

2. Đối với các học phần thực hành:

a) Điểm học phần được đánh giá qua ba điểm thành phần với trọng số quy định như sau: Điểm chuyên cần (0,2); điểm thực hành quá trình (0,3); điểm thực hành cuối kỳ (0,5);

b) Nếu điểm thực hành cuối kỳ bằng 0 điểm (điểm liệt), thì điểm học phần đó bằng 0 điểm.

3. Đối với học phần đặc biệt

a) Học phần thực tập/thực tế nghề nghiệp tại đơn vị thực tế: điểm học phần được đánh giá qua hai điểm thành phần với trọng số quy định như sau: điểm chuyên cần (0,4); điểm thực hành (0,6).

b) Học phần tốt nghiệp: điểm học phần được quy định chi tiết tại đề cương học phần.

c) Học phần Giáo dục thể chất: được đánh giá riêng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

d) Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh: được đánh giá theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của đơn vị liên kết đào tạo.

đ) Các học phần đặc biệt khác: việc lựa chọn hình thức đánh giá và trọng số điểm thành phần cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do đơn vị quản lý học phần đề xuất và Hiệu trưởng phê duyệt trong đề cương học phần.

Điều 25. Thời gian tổ chức thi hết học phần đối với hình thức đào tạo chính quy

1. Đối với học kỳ chính, Trường tổ chức 01 kỳ thi hết học phần trong khoảng thời gian 03 tuần cuối của học kỳ.

2. Đối với học kỳ phụ, Trường tổ chức thi hết học phần vào tuần cuối cùng của

học kỳ.

Điều 26. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học đối với hình thức đào tạo chính quy

1. Để tính điểm trung bình học kỳ/năm học/tích lũy, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

- A quy đổi thành 4,0;
- B+ quy đổi thành 3,5;
- B quy đổi thành 3,0;
- C+ quy đổi thành 2,5;
- C quy đổi thành 2,0;
- D+ quy đổi thành 1,5;
- D quy đổi thành 1,0;
- F quy đổi thành 0,0.

2. Điểm trung bình học kỳ/năm học/tích lũy được xác định theo công thức sau và được làm tròn đến hàng phần trăm:

$$M = \frac{\sum_{i=1}^N m_i n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

M là điểm trung bình học kỳ/năm học/tích lũy

m_i là điểm học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

N là tổng số học phần đăng ký và được duyệt của học kỳ/ năm học hoặc tổng số học phần đạt từ đầu khóa học đến thời điểm xét, trong đó:

a) Điểm trung bình học kỳ/năm học được tính theo điểm học phần đã đăng ký học được duyệt ở học kỳ/năm học đó, bao gồm cả học phần không được dự thi hoặc vắng thi không có lý do.

b) Điểm trung bình tích lũy được tính theo điểm cao nhất của học phần và chỉ tính những học phần đạt từ điểm D trở lên. ($m_i \geq 1$ theo thang điểm 4).

3. Những điểm chữ loại đạt không phân mức được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 và điểm chữ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 của Quy chế này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ/năm học hoặc tích lũy.

4. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

5. Xếp loại lực học của sinh viên theo thang điểm 4 như sau:

Từ 3,60 đến 4,00: Xuất sắc;

Từ 3,20 đến 3,59: Giỏi;

- Từ 2,50 đến 3,19: Khá;
 Từ 2,00 đến 2,49: Trung bình;
 Từ 1,00 đến 1,99: Yếu;
 Dưới 1,00: Kém.

Điều 27. Xử lý kết quả học tập đối với hình thức đào tạo chính quy

1. Sau mỗi học kỳ chính, sinh viên bị cảnh báo học tập khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 (tính theo đăng ký học tập, không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh);
- b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;
- c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba; dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo;
- d) Sinh viên không đăng ký học tập trong học kỳ chính; trong đó, đăng ký học tập được tính bao gồm Giáo dục thể chất.

2. Sau mỗi học kỳ chính, sinh viên bị buộc thôi học khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) Bị cảnh báo học tập 3 lần liên tiếp;
- b) Số lần cảnh báo học tập vượt quá 4 lần tính từ đầu khóa học cho đến thời điểm xét;
- c) Vượt quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định của Trường.

3. Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học

a) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường được Hiệu trưởng ra quyết định thành lập căn cứ vào đề xuất của đơn vị quản lý đào tạo. Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền);
- Ủy viên thường trực: Trưởng đơn vị quản lý đào tạo;
- Ủy viên thư ký: Phó Trưởng đơn vị quản lý đào tạo;
- Các ủy viên: Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các đơn vị quản lý sinh viên, Trưởng phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ; Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Chủ tịch Hội sinh viên Trường; và một số ủy viên khác (nếu có).

b) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp đơn vị quản lý sinh viên, gồm:

- Chủ tịch hội đồng: Trưởng đơn vị quản lý sinh viên;
- Ủy viên thường trực: Phó Trưởng đơn vị quản lý sinh viên;

- Ủy viên thư ký: Chuyên viên đơn vị quản lý đào tạo (được phân công quản lý);
- Các ủy viên, gồm: Bí thư Liên chi đoàn/Chi đoàn đơn vị quản lý sinh viên và Chi hội trưởng chi hội sinh viên của đơn vị quản lý sinh viên; và một số ủy viên khác (nếu có).

4. Quy trình xét cảnh báo học tập, buộc thôi học

a) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp đơn vị quản lý sinh viên họp xét, tổng hợp danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo học tập, buộc thôi học thuộc đơn vị quản lý, đề nghị Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường xem xét quyết định.

b) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường họp, xem xét và kết luận cảnh báo học tập, buộc thôi học đối với từng trường hợp cụ thể. Kết luận của Hội đồng được đơn vị quản lý đào tạo thông báo trên website, fanpage của đơn vị quản lý đào tạo và cổng đào tạo của Trường.

c) Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường, đơn vị quản lý đào tạo tổng hợp kết quả và trình Hiệu trưởng ra quyết định cảnh báo học tập và quyết định buộc thôi học do kết quả học tập kém đối với sinh viên.

d) Ngay sau khi có quyết định cảnh báo học tập, chậm nhất trong vòng 01 tuần làm việc, đơn vị quản lý sinh viên phải thực hiện cảnh báo sớm, tư vấn học tập, thông báo cho sinh viên và có phương án đề xuất Trường tạo điều kiện để sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện hoặc điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp.

đ) Chậm nhất 01 tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Phòng Công tác sinh viên và các đơn vị quản lý sinh viên phải thông báo cho sinh viên biết.

e) Trường hợp tại Trường có chương trình đào tạo phù hợp theo hình thức đào tạo thường xuyên, những sinh viên chính quy thuộc diện bị buộc thôi học theo quy định tại Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới theo quy định tại Quy chế này. Thời gian học tập chuẩn toàn khóa và thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành chương trình mới tương ứng theo quy định của hình thức đào tạo thường xuyên, tính từ thời điểm sinh viên nhập học chương trình cũ.

Chương V

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA

Điều 28. Thời gian học tập đối với hình thức đào tạo từ xa

1. Thời gian học tập chuẩn toàn khoá chương trình đào tạo chuẩn đơn ngành đối với sinh viên có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương là 5 năm.

2. Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể lựa chọn rút ngắn (học theo tiến độ nhanh) hoặc kéo dài (học theo tiến độ chậm) thời gian học tập theo quy định chung như sau:

a) Thời gian học tập toàn khóa tối thiểu là 3,5 năm (rút ngắn tối đa tương đương 3 học kỳ chính).

b) Thời gian học tập toàn khóa tối đa là 10 năm.

Điều 29. Tổ chức đào tạo theo tín chỉ đối với hình thức đào tạo từ xa

1. Đào tạo theo tín chỉ là cách thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

2. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

3. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 30. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo đối với hình thức đào tạo từ xa

1. Hình thức đào tạo từ xa được tổ chức theo thời gian linh hoạt tại các địa điểm đào tạo đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng và được cấp phép hoạt động. Các hoạt động đào tạo được thực hiện tại Trường hoặc cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định của Quy chế này; hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và đào tạo theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa có thể được tổ chức tại địa điểm khác theo quy định của Trường.

2. Thời gian tổ chức hoạt động đào tạo linh hoạt trong ngày và trong tuần phù hợp với chương trình đào tạo.

3. Hình thức đào tạo từ xa áp dụng phương thức tổ chức đào tạo từ xa.

Điều 31. Kế hoạch giảng dạy và học tập đối với hình thức đào tạo từ xa

1. Một năm học có 02 học kỳ chính, mỗi học kỳ tối thiểu 15 tuần (trừ học kỳ đầu của khóa học).

2. Kế hoạch học kỳ được xây dựng và công bố tối thiểu trước 04 tuần bắt đầu ngày học chính thức (trừ học kỳ đầu của khóa học), bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

3. Lịch học và lịch thi được bố trí linh hoạt trong ngày và trong tuần của học kỳ.

4. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với học phần bất kỳ không vượt quá 25 giờ/tuần. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 32. Khối lượng học tập và đăng ký học tập đối với hình thức đào tạo từ xa

1. Mỗi học kỳ chính, việc đăng ký học tập được quy định như sau:

a) Sinh viên có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương phải đăng ký khối lượng học tập tối thiểu 8 tín chỉ. Số lượng tín chỉ tối đa sinh viên được đăng ký tùy thuộc vào xếp hạng học lực, cụ thể như sau:

- Sinh viên đang trong thời gian xếp loại học lực từ Trung bình trở xuống tính theo điểm trung bình tích lũy được đăng ký tối đa 18TC;

- Sinh viên đang trong thời gian xếp loại học lực từ Khá trở lên tính theo điểm trung bình tích lũy được đăng ký tối đa 21TC.

b) Sinh viên liên thông được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy: Mỗi học kỳ chính, sinh viên phải đăng ký tối thiểu một học phần và số tín chỉ tối đa được đăng ký là 21TC.

2. Quy định về khối lượng đăng ký học tập tại khoản 1 Điều này không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh. Quy định về khối lượng đăng ký học tập tối thiểu từng học kỳ không áp dụng đối với sinh viên năm cuối khóa hoặc sinh viên đã quá thời gian học tập 05 năm tại Trường. Các trường hợp khác do Hiệu trưởng quy định.

3. Thủ tục đăng ký

a) Hai học kỳ đầu của khóa học, sinh viên học theo kế hoạch giảng dạy của Trường. Từ học kỳ thứ 3 trở đi, sinh viên đăng ký học theo trình tự sau:

- Trước mỗi học kỳ chính ít nhất 04 tuần, Trường thông báo trên cổng thông tin đào tạo và gửi thông báo vào tài khoản sinh viên thời gian đăng ký học tập, hướng dẫn đăng ký, lịch học, lịch thi dự kiến;

- Sinh viên truy cập vào cổng đào tạo của Trường để thực hiện đăng ký theo hướng dẫn.

b) Tất cả các thao tác đăng ký được thực hiện theo phương thức trực tuyến (online). Đăng ký được chấp nhận trong thời gian quy định có giá trị pháp lý và sinh viên phải thi hành.

c) Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn quy mô tối thiểu quy định/1 lớp học phần do Hiệu trưởng quyết định, trong từng giai đoạn cụ thể, tùy thuộc vào tính chất học phần, lớp học phần sẽ không được tổ chức. Trong trường hợp này đối với các học phần tự chọn, Phòng Quản lý đào tạo sẽ chủ động điều chuyển sinh viên sang học học phần tự chọn khác cùng nhóm có tổ chức lớp học phần.

d) Trước khi bắt đầu học kỳ ít nhất 01 tuần, Trường thông báo thời khóa biểu chính thức của học kỳ trên cổng thông tin đào tạo của Trường. Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu và phản ánh những sai lệch (nếu có) với Phòng Quản lý đào tạo trước khi bắt đầu học kỳ.

4. Quy định về khối lượng và thời gian đăng ký học tập:

a) Mỗi học kỳ chính, sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập tối thiểu và tối đa theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

b) Quy định về khối lượng đăng ký học tập từng học kỳ không áp dụng đối với sinh viên năm cuối khóa hoặc sinh viên đã quá thời gian học tập 05 năm tại Trường. Các trường hợp khác do Hiệu trưởng quy định.

c) Sinh viên không đăng ký học tập trong học kỳ chính mà không được sự cho phép của Trường xem như tự ý bỏ học và phải chịu hình thức kỷ luật theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

5. Đăng ký học lại, học cải thiện điểm:

a) Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc một học phần tương đương thay thế do Hiệu trưởng quyết định ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt.

b) Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc một học phần tự chọn khác cùng khối kiến thức theo quy định trong chương trình đào tạo.

c) Sinh viên có học phần đạt mức D, D+, C, C+, B, B+ được phép đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy ở các học kỳ tiếp theo. Điểm của học phần sẽ là điểm cao nhất trong các lần học. Số tín chỉ của học phần cải thiện bị điểm F sẽ không tính trong tổng số tín chỉ bị điểm F để hạ bậc tốt nghiệp.

d) Đối với học phần tự chọn, nếu sinh viên tích lũy số tín chỉ nhiều hơn yêu cầu của từng khối kiến thức trong chương trình đào tạo, khi xét tốt nghiệp, Trường sẽ xác định số học phần tự chọn đã tích lũy để đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo trên nguyên tắc bảo đảm đủ số tín chỉ theo yêu cầu của từng khối kiến thức và kết quả tính điểm trung bình tích lũy của sinh viên là cao nhất. Trường hợp sinh viên muốn lấy tất các học phần tự chọn đã học, phải làm đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo chậm nhất 2 tuần trước ngày Hội đồng học xét tốt nghiệp.

6. Rút bớt hoặc bổ sung các học phần sau khi đăng ký được duyệt:

a) Mỗi học kỳ chính, Trường tổ chức 01 đợt đăng ký rút bớt, bổ sung học phần trong 01 tuần đầu học kỳ cho sinh viên có nhu cầu điều chỉnh kế hoạch học tập đã đăng ký.

b) Thời gian đăng ký rút bớt học phần được tổ chức trước, thời gian đăng ký bổ sung học phần được tổ chức sau thời gian đăng ký rút bớt học phần. Sinh viên chỉ được đăng ký rút bớt học phần nếu số lượng sinh viên của lớp học phần có nhu cầu rút bớt lớn hơn quy mô tối thiểu/ 1 lớp học phần do Hiệu trưởng quyết định tùy thuộc tính chất học phần, trong từng giai đoạn cụ thể. Sinh viên đã đăng ký rút bớt học phần không được phép đăng ký bổ sung học phần; trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

c) Điều kiện rút bớt hoặc bổ sung học phần:

- Không vi phạm khoản 1 và 2 Điều này;
- Được Phòng Quản lý đào tạo chấp nhận.

Điều 33. Thời gian thu học phí đối với hình thức đào tạo từ xa

1. Học kỳ thứ nhất, sinh viên nộp học phí theo thông báo nhập học của Trường và các thông báo bổ sung khác (nếu có).

2. Từ học kỳ thứ hai trở đi, sau khi kết thúc đăng ký học tập và điều chỉnh đăng ký học tập của học kỳ, Trường xác định số tín chỉ làm căn cứ tính học phí và thông báo số học phí phải nộp cho sinh viên.

Điều 34. Quy trình tổ chức giảng dạy đối với hình thức đào tạo từ xa

1. Dựa trên kế hoạch học kỳ, Phòng Quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu dự kiến, gửi các đơn vị quản lý học phần.

2. Đơn vị quản lý học phần phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại Phòng Quản lý đào tạo.

3. Phòng Quản lý đào tạo thực hiện:

a) Đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên cổng đào tạo của Trường để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

b) Tổ chức đăng ký học tập;

c) Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

d) Chuyển thời khóa biểu chính thức cho đơn vị quản lý học phần;

đ) Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu.

Điều 35. Đánh giá học phần đối với hình thức đào tạo từ xa

1. Đối với các học phần lý thuyết và thực hành/thảo luận:

a) Điểm học phần được đánh giá qua ba điểm thành phần với trọng số quy định như sau: Điểm chuyên cần (0,2); điểm kiểm tra (0,2); điểm thi kết thúc học phần (0,6);

b) Nếu điểm thi kết thúc học phần bằng 0 điểm (điểm liệt), thì điểm học phần đó bằng 0 điểm.

2. Đối với các học phần thực hành:

a) Điểm học phần được đánh giá qua ba điểm thành phần với trọng số quy định như sau: Điểm chuyên cần (0,2); điểm thực hành quá trình (0,3); điểm thực hành cuối kỳ (0,5);

b) Nếu điểm thực hành cuối kỳ bằng 0 điểm (điểm liệt), thì điểm học phần đó bằng 0 điểm.

3. Đối với học phần đặc biệt

a) Học phần thực tập/ thực tế nghề nghiệp tại đơn vị thực tế: điểm học phần được đánh giá qua hai điểm thành phần với trọng số quy định như sau: điểm chuyên cần (0,4); điểm thực hành (0,6).

b) Học phần tốt nghiệp: điểm học phần được quy định chi tiết tại đề cương học phần.

c) Học phần Giáo dục thể chất: được đánh giá riêng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

d) Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh: được đánh giá theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của đơn vị liên kết đào tạo.

đ) Các học phần đặc biệt khác: việc lựa chọn hình thức đánh giá và trọng số điểm thành phần cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do Bộ môn/Khoa/Viện đề xuất và Hiệu trưởng phê duyệt trong Đề cương học phần.

Điều 36. Thời gian tổ chức thi hết học phần đối với hình thức đào tạo từ xa

1. Mỗi học kỳ, Trường tổ chức 01-02 kỳ thi.
2. Thời gian tổ chức kỳ thi được thực hiện vào ngày cuối tuần của học kỳ.

Điều 37. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học đối với hình thức đào tạo từ xa

1. Để tính điểm trung bình học kỳ/năm học/tích lũy, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

- A quy đổi thành 4,0;
- B+ quy đổi thành 3,5;
- B quy đổi thành 3,0;
- C+ quy đổi thành 2,5;
- C quy đổi thành 2,0;
- D+ quy đổi thành 1,5;
- D quy đổi thành 1,0;
- F quy đổi thành 0,0.

2. Điểm trung bình học kỳ/năm học/tích lũy được xác định theo công thức sau và được làm tròn đến hàng phần trăm:

$$M = \frac{\sum_{i=1}^N m_i n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

M là điểm trung bình học kỳ/năm học/tích lũy

m_i là điểm học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

N là tổng số học phần đăng ký và được duyệt của học kỳ/ năm học hoặc tổng số học phần đạt từ đầu khóa học đến thời điểm xét, trong đó:

a) Điểm trung bình học kỳ/năm học được tính theo điểm học phần đã đăng ký học được duyệt ở học kỳ/năm học đó, bao gồm cả học phần không được dự thi hoặc vắng thi không có lý do.

b) Điểm trung bình tích lũy được tính theo điểm cao nhất của học phần và chỉ tính những học phần đạt từ điểm D trở lên. ($m_i \geq 1$ theo thang điểm 4).

3. Những điểm chữ loại đạt không phân mức được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 và điểm chữ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 của Quy chế này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ/năm học hoặc tích lũy.

4. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 1 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

5. Xếp loại lực học của sinh viên theo thang điểm 4 như sau:

- Từ 3,60 đến 4,00: Xuất sắc;
- Từ 3,20 đến 3,59: Giỏi;
- Từ 2,50 đến 3,19: Khá;
- Từ 2,00 đến 2,49: Trung bình;
- Từ 1,00 đến 1,99: Yếu;
- Dưới 1,00: Kém.

Điều 38. Xử lý kết quả học tập đối với hình thức đào tạo từ xa

1. Sau mỗi học kỳ chính, sinh viên bị cảnh báo học tập khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 (tính theo đăng ký học tập, không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh);

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba; dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo;

d) Sinh viên không đăng ký học tập trong học kỳ chính; trong đó, đăng ký học tập được tính bao gồm cả Giáo dục thể chất.

2. Sau mỗi học kỳ chính, sinh viên bị buộc thôi học khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Bị cảnh báo học tập 3 lần liên tiếp;

b) Số lần cảnh báo học tập vượt quá 4 lần tính từ đầu khóa học cho đến thời điểm xét;

c) Vượt quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định của Trường.

3. Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học

a) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường được Hiệu trưởng ra quyết định thành lập căn cứ vào đề xuất của Phòng Quản lý đào tạo. Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền);
- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Quản lý đào tạo;
- Ủy viên thư ký: Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo;
- Các ủy viên: Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa/Viện quản lý chương trình đào tạo, Trưởng phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ; và một số ủy viên khác (nếu có).

b) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp đơn vị quản lý sinh viên, gồm:

- Chủ tịch hội đồng: Trưởng phòng Quản lý đào tạo;
- Ủy viên thường trực: Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo;
- Ủy viên thư ký: Chuyên viên Phòng Quản lý đào tạo (được phân công quản lý);
- Các ủy viên khác (nếu có).

4. Quy trình xét cảnh báo học tập, buộc thôi học

a) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp đơn vị quản lý sinh viên họp xét, tổng hợp danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo học tập, buộc thôi học thuộc đơn vị quản lý, đề nghị Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường xem xét quyết định;

b) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường họp, xem xét và kết luận cảnh báo học tập, buộc thôi học đối với từng trường hợp cụ thể. Kết luận của Hội đồng được Phòng Quản lý đào tạo thông báo trên website, fanpage của Phòng Quản lý đào tạo và cổng đào tạo của Trường.

c) Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường, Phòng Quản lý đào tạo tổng hợp kết quả và trình Hiệu trưởng ra quyết định cảnh báo học tập và quyết định buộc thôi học do kết quả học tập kém đối với sinh viên;

d) Ngay sau khi có quyết định cảnh báo học tập, chậm nhất trong vòng 01 tuần làm việc, Phòng Quản lý đào tạo phải thực hiện cảnh báo sớm, tư vấn học tập, thông báo cho sinh viên và có phương án đề xuất Trường tạo điều kiện để sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện hoặc điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp.

đ) Chậm nhất một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Phòng Quản lý đào tạo phải thông báo cho sinh viên biết.

Chương VI

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

Điều 39. Thời gian học tập đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

1. Thời gian học tập chuẩn toàn khoá chương trình đào tạo chuẩn đơn ngành đối với sinh viên có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương là 5 năm.
2. Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể lựa chọn rút ngắn (học theo tiến độ nhanh) hoặc kéo dài (học theo tiến độ chậm) thời gian học tập theo quy định chung như sau:

- a) Thời gian học tập toàn khoá tối thiểu là 3,5 năm (rút ngắn tối đa tương đương 3 học kỳ chính) tùy thuộc vào năng lực học tập và điều kiện cá nhân của sinh viên.
- b) Thời gian học tập toàn khoá tối đa là 10 năm.

Điều 40. Tổ chức đào tạo theo niên chế đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

1. Đào tạo theo niên chế là cách thức tổ chức đào tạo theo lớp học tương đối cố định đối với tất cả các học phần bắt buộc của chương trình đào tạo trong toàn khoá học, cho phép sinh viên cùng lớp thực hiện theo kế hoạch học tập chuẩn và theo một thời khóa biểu chung trừ những học phần tự chọn hoặc học lại.
2. Sinh viên được đánh giá đạt tiến độ học tập theo kế hoạch học tập chuẩn sẽ được học tiếp năm sau theo kế hoạch học tập chuẩn và đăng ký học lại những học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo.
3. Sinh viên được đánh giá không đạt tiến độ học tập theo kế hoạch học tập chuẩn sẽ phải học lại các học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 41. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

1. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học được tổ chức theo thời gian linh hoạt tại các địa điểm đào tạo đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng và được cấp phép hoạt động. Các hoạt động đào tạo được thực hiện tại Trường hoặc cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định của Quy chế này; hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và đào tạo theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa có thể được tổ chức tại địa điểm khác theo quy định của Trường.
2. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng phương thức tổ chức đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và từ xa. Phần được thực hiện theo phương thức đào tạo từ xa đồng thời phải đáp ứng được quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Sinh viên theo học tập trung toàn thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá và thời khóa biểu do Trường bố trí.

Điều 42. Kế hoạch giảng dạy và học tập đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

1. Một năm học có 02 học kỳ chính (học kỳ 1 và học kỳ 2), mỗi học kỳ có tối thiểu 18 tuần thực học và thi (trừ học kỳ đầu của khóa học). Ngoài các học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ (học kỳ 3), có từ 4 đến 6 tuần học và thi.

2. Kế hoạch học kỳ được xây dựng và công bố tối thiểu trước 04 tuần bắt đầu ngày học chính thức (trừ học kỳ đầu của khóa học), bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

3. Lịch học và lịch thi được bố trí linh hoạt trong ngày và trong tuần của học kỳ.

4. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với học phần bất kỳ không vượt quá 25 giờ/tuần. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 43. Khối lượng học tập và đăng ký học tập đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

1. Sinh viên học tập theo kế hoạch giảng dạy của Trường. Trong trường hợp sinh viên có nhu cầu học lại/học cải thiện điểm, số tín chỉ tối đa sinh viên được đăng ký trong học kỳ như sau:

a) Sinh viên có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương được đăng ký số lượng tín chỉ tối đa tùy thuộc vào xếp hạng học lực, cụ thể như sau:

- Sinh viên đang trong thời gian xếp loại học lực từ Trung bình trở xuống tính theo điểm trung bình tích lũy được đăng ký tối đa 18TC;

- Sinh viên đang trong thời gian xếp loại học lực từ Khá trở lên tính theo điểm trung bình tích lũy được đăng ký tối đa 21TC.

b) Sinh viên liên thông được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy: số tín chỉ tối đa được đăng ký trong một học kỳ là 21TC.

2. Quy định về khối lượng đăng ký học tập tại khoản 1 Điều này không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Học kỳ phụ là học kỳ không bắt buộc đối với sinh viên. Việc đăng ký học tập trong học kỳ phụ và những trường hợp đặc biệt sẽ được thông báo cụ thể bằng văn bản trước học kỳ.

4. Đăng ký học lại, học cải thiện điểm:

a) Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc một học phần tương đương thay thế do Hiệu trưởng quyết định ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt.

b) Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc một học phần tự chọn khác cùng khối kiến thức theo quy định trong chương trình đào tạo.

c) Sinh viên có học phần đạt mức D, D+, C, C+, B, B+ được phép đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy ở các học kỳ tiếp theo. Điểm của học phần sẽ là điểm cao nhất trong các lần học. Số tín chỉ của học phần cải thiện bị điểm F sẽ không tính trong tổng số tín chỉ bị điểm F để hạ bậc tốt nghiệp.

d) Đối với học phần tự chọn, nếu sinh viên tích lũy số tín chỉ nhiều hơn yêu cầu của từng khối kiến thức trong chương trình đào tạo, khi xét tốt nghiệp, Trường sẽ xác định số học phần tự chọn đã tích lũy để đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo trên nguyên tắc bảo đảm đủ số tín chỉ theo yêu cầu của từng khối kiến thức và kết quả tính điểm trung bình tích lũy của sinh viên là cao nhất. Trường hợp sinh viên muốn lấy tất các học phần tự chọn đã học, phải làm đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo chậm nhất 2 tuần trước ngày Hội đồng học xét tốt nghiệp.

Điều 44. Thời gian thu học phí đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

1. Đối với học kỳ chính:

a) Học kỳ thứ nhất, sinh viên nộp học phí theo thông báo nhập học của Trường và các thông báo bổ sung khác (nếu có).

b) Từ học kỳ thứ hai trở đi, căn cứ kế hoạch đào tạo và kết quả đăng ký học tập của học kỳ, Trường xác định số tín chỉ làm căn cứ tính học phí và thông báo số học phí phải nộp cho sinh viên.

2. Đối với học kỳ phụ, học phí được xác định căn cứ vào số tín chỉ của các học phần sinh viên đăng ký và được Trường chấp nhận. Trường sẽ thông báo số học phí phải nộp và thời hạn thu học phí trước khi bắt đầu học kỳ phụ.

Điều 45. Quy trình tổ chức giảng dạy đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

1. Dựa trên kế hoạch học kỳ, Phòng Quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu, gửi các đơn vị quản lý học phần.

2. Đơn vị quản lý học phần phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại Phòng Quản lý đào tạo.

3. Đơn vị quản lý đào tạo thực hiện:

a) Chuyển thời khóa biểu chính thức cho đơn vị quản lý học phần.

b) Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu.

Điều 46. Đánh giá học phần đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

1. Đối với các học phần lý thuyết và thực hành/thảo luận:

a) Điểm học phần được đánh giá qua ba điểm thành phần với trọng số quy định như sau: Điểm chuyên cần (0,1); điểm thực hành (0,3); điểm thi kết thúc học phần (0,6);

b) Nếu điểm thi kết thúc học phần bằng 0 điểm (điểm liệt), thì điểm học phần đó bằng 0 điểm.

2. Đối với các học phần thực hành:

a) Điểm học phần được đánh giá qua ba điểm thành phần với trọng số quy định như sau: điểm chuyên cần (0,2); điểm thực hành quá trình (0,3); điểm thực hành cuối kỳ (0,5);

b) Nếu điểm thực hành cuối kỳ bằng 0 điểm (điểm liệt), thì điểm học phần đó bằng 0 điểm.

3. Đối với học phần đặc biệt

a) Học phần thực tập/thực tế nghề nghiệp tại đơn vị thực tế: điểm học phần được đánh giá qua hai điểm thành phần với trọng số quy định như sau: điểm chuyên cần (0,4); điểm thực hành (0,6).

b) Học phần tốt nghiệp: điểm học phần được quy định chi tiết tại đề cương học phần.

c) Học phần Giáo dục thể chất: được đánh giá riêng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

d) Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh: được đánh giá theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của đơn vị liên kết đào tạo.

đ) Các học phần đặc biệt khác: việc lựa chọn hình thức đánh giá và trọng số điểm thành phần cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do đơn vị quản lý học phần đề xuất và Hiệu trưởng phê duyệt trong đề cương học phần.

Điều 47. Thời gian tổ chức thi hết học phần đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

1. Đối với học kỳ chính, Trường tổ chức thi hết học phần theo thời gian linh hoạt trong học kỳ.

2. Đối với học kỳ phụ, Trường tổ chức thi hết học phần vào tuần cuối cùng của học kỳ.

Điều 48. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

1. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học sử dụng thang điểm 10 và tính điểm trung bình học kỳ/năm học/tích lũy dựa trên điểm học phần theo thang điểm 10.

2. Xếp loại lực học của sinh viên theo thang điểm 10:

Từ 9,00 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,00 đến 8,99: Giỏi;

Từ 7,00 đến 7,99: Khá;

Từ 5,00 đến 6,99: Trung bình;

Từ 4,00 đến 4,99: Yếu;

Dưới 4,00: Kém.

Điều 49. Xử lý kết quả học tập đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

1. Cuối mỗi năm học, sinh viên được đánh giá đạt tiến độ học tập và được học tiếp lên năm học sau khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

a) Điểm trung bình năm học đạt từ 3,50 trở lên (theo thang điểm 10) đối với năm học thứ nhất, từ 4,00 trở lên đối với năm thứ hai và từ 4,50 đối với năm thứ ba trở đi;

b) Số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa không vượt quá 20% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh).

2. Sinh viên bị buộc thôi học khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy các năm học không đạt quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 3,80 sau 2 năm học, dưới 4,00 sau 3 năm học và dưới 4,20 từ sau 4 năm học trở đi;

c) Vượt quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định của Trường.

3. Sinh viên không thuộc diện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xếp lớp học cùng khóa sau để cải thiện kết quả học tập.

4. Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học

a) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường được Hiệu trưởng ra quyết định thành lập căn cứ vào đề xuất của Phòng Quản lý đào tạo. Thành phần Hội đồng có:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền);
- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Quản lý đào tạo;
- Ủy viên thư ký: Phó trưởng phòng Quản lý đào tạo;
- Các ủy viên: Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng phòng Pháp chế và Thanh tra và một số ủy viên khác (nếu có).

b) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp đơn vị quản lý sinh viên, gồm:

- Chủ tịch hội đồng: Trưởng đơn vị quản lý sinh viên;
- Ủy viên thường trực: Phó Trưởng đơn vị quản lý sinh viên;
- Ủy viên thư ký: Chuyên viên Phòng Quản lý đào tạo (được phân công quản lý);
- Các ủy viên khác (nếu có).

5. Quy trình xét cảnh báo học tập, buộc thôi học

a) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp đơn vị quản lý sinh viên họp xét, tổng hợp danh sách sinh viên không đạt tiến độ đào tạo thuộc diện cảnh báo học tập, buộc thôi học thuộc đơn vị quản lý, đề nghị Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường xem xét quyết định;

b) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường học, xem xét và kết luận cảnh báo học tập, buộc thôi học đối với từng trường hợp cụ thể. Kết luận của Hội đồng được Phòng Quản lý đào tạo thông báo trên website, fanpage của Phòng Quản lý đào tạo và cổng đào tạo của Trường;

c) Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường, Phòng Quản lý đào tạo tổng hợp kết quả và trình Hiệu trưởng ra quyết định cảnh báo học tập và quyết định buộc thôi học do kết quả học tập kém đối với sinh viên;

d) Chậm nhất một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Phòng Quản lý đào tạo phải thông báo cho sinh viên biết.

Chương VII

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TRONG NƯỚC

Điều 50. Hoạt động liên kết đào tạo trong nước và tuyển sinh các chương trình, ngành liên kết đào tạo

1. Hoạt động liên kết đào tạo trong nước là liên kết đào tạo thực hiện giữa hai cơ sở đào tạo trong nước được cấp phép hoạt động giáo dục đại học.

2. Số lượng tuyển sinh của các chương trình, ngành liên kết đào tạo được tính vào số lượng tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo theo tỉ lệ giảng viên tham gia của mỗi bên.

Điều 51. Các yêu cầu tối thiểu đối với cơ sở chủ trì đào tạo

1. Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy chương trình liên kết chiếm tối thiểu 50% khối lượng học tập, không bao gồm khối lượng chương trình Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Đã ban hành quy định về liên kết và thẩm định các yêu cầu bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

Điều 52. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo

1. Cơ sở chủ trì đào tạo chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, cùng cơ sở phối hợp đào tạo thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo ngay sau khi tuyển sinh;

2. Trường hợp cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về cơ sở chủ trì liên kết đào tạo để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

3. Bảo đảm không để gián đoạn học tập của sinh viên và bồi hoàn chi phí phát sinh nếu dừng tổ chức đào tạo;

4. Trường hợp tạm dừng, chấm dứt đào tạo phải công bố và thực hiện phương án bảo đảm mọi quyền lợi cho sinh viên (kế hoạch học tiếp, chuyển chương trình, tín chỉ, học phí, tốt nghiệp...).

Chương VIII

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NƯỚC NGOÀI

Điều 53. Yêu cầu đối với liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài

Việc liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải là cơ sở đào tạo hoạt động hợp pháp, có tư cách pháp nhân tại nước sở tại và được phép đào tạo, cấp bằng từ trình độ đại học trở lên.

2. Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng có thẩm quyền ở nước sở tại công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng (hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận).

3. Chương trình liên kết đào tạo phải là chương trình đã được triển khai đào tạo trực tiếp tại trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài.

4. Yêu cầu đầu vào và đầu ra của chương trình liên kết đào tạo không được thấp hơn yêu cầu đầu vào và chuẩn của chương trình đào tạo tương ứng tại Việt Nam.

5. Văn bằng do trường nước ngoài cấp cho sinh viên học tại Việt Nam phải tương đương hoàn toàn (về hình thức, giá trị pháp lý, cơ hội học lên cao) với văn bằng cấp tại trụ sở chính, không được có sự phân biệt đối xử về địa điểm học.

6. Giảng viên của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trực tiếp tham gia giảng dạy ít nhất 25% tổng khối lượng của chương trình liên kết đào tạo và có trình độ từ thạc sĩ trở lên; có học hàm, học vị phù hợp quy định và năng lực ngoại ngữ đáp ứng điều kiện truyền tải chương trình.

7. Số lượng tuyển sinh của chương trình liên kết đào tạo được tính vào tổng số lượng tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo theo tỷ lệ giảng viên tham gia của mỗi bên theo năm tuyển sinh.

8. Các cơ sở giáo dục đại học tham gia liên kết đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật và theo thỏa thuận liên kết về việc tổ chức tuyển sinh, đào tạo, đánh giá kết quả học tập, cấp văn bằng, quản lý sinh viên và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của sinh viên, giảng viên trong suốt quá trình tổ chức đào tạo.

Điều 54. Thời gian học tập đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Thời gian học tập được thực hiện theo thời gian đào tạo chuẩn của chương trình quy định trong thỏa thuận hợp tác và kế hoạch triển khai của từng chương trình đào tạo;

không áp dụng việc rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại khoản 2 Điều 17.

2. Thời gian học tập tối đa toàn khóa đối với sinh viên các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài không vượt quá hai lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình được quy định cụ thể trong thỏa thuận hợp tác của từng chương trình đào tạo.

Điều 55. Tổ chức đào tạo đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Trường tổ chức đào tạo theo nguyên lý tín chỉ.

2. Trường tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần trong chương trình đào tạo.

3. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được tổ chức giảng dạy do Hiệu trưởng quyết định.

4. Đối với phần chương trình đào tạo do các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài xây dựng: Tuân thủ theo quy định của các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài.

Điều 56. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Hình thức đào tạo chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài là đào tạo chính quy.

2. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường (trừ học phần thực tế, thực tập và các học phần khác theo quy định của Trường và của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài).

3. Hoạt động giảng dạy có sự hiện diện đồng thời, tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên, được tổ chức tập trung tại Trường trong khung giờ từ 6 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7 chiếm trên 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh); phần được thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa và phần thực hiện tại cơ sở phối hợp liên kết đào tạo trong nước và phần được công nhận, chuyển đổi tín chỉ cộng lại không vượt quá 50%.

4. Sinh viên theo học tập trung toàn thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa và thời khóa biểu do Trường bố trí; được tuyển sinh theo kế hoạch chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Điều 57. Kế hoạch giảng dạy và học tập đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Một năm học có 02 học kỳ chính (học kỳ 1 và học kỳ 2), mỗi học kỳ có tối thiểu 18 tuần thực học và thi (trừ học kỳ đầu của khóa học). Ngoài các học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ (học kỳ 3), có từ 4 đến 6 tuần học và thi.

2. Kế hoạch học kỳ được xây dựng và công bố tối thiểu trước 04 tuần bắt đầu ngày học chính thức (trừ học kỳ đầu của khóa học), bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

3. Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các buổi trong tuần của học kỳ. Riêng các học phần thực hành, thực tập, thực tế học tập tại đơn vị thực tế được tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế.

4. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với học phần bất kỳ không vượt quá 25 giờ/tuần. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 58. Khối lượng học tập và đăng ký học tập đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Đăng ký học tập

a) Sinh viên học theo kế hoạch giảng dạy của Trường.

b) Trước khi bắt đầu học kỳ ít nhất 1 tuần, Trường thông báo thời khóa biểu chính thức của học kỳ trên cổng đào tạo. Sinh viên có trách nhiệm xem thời khóa biểu học tập trước khi bắt đầu học kỳ.

c) Trong 5 tuần đầu của mỗi học kỳ chính, Trường thông báo hình thức thi, lịch thi dự kiến của các học phần trên cổng đào tạo của Trường.

d) Triển khai học kỳ phụ được thực hiện tương tự như ở học kỳ chính và được thông báo cụ thể bằng văn bản ít nhất 4 tuần trước học kỳ.

đ) Học kỳ phụ là học kỳ không bắt buộc đối với sinh viên. Việc đăng ký trong học kỳ 3 và những trường hợp đặc biệt sẽ được thông báo cụ thể bằng văn bản trước học kỳ.

2. Đăng ký học lại, học cải thiện điểm

a) Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt.

b) Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

c) Sinh viên có học phần đạt mức D, D+, C, C+, B, B+ được phép đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy ở các học kỳ tiếp theo. Điểm của học phần sẽ là điểm cao nhất trong các lần học. Số tín chỉ của học phần cải thiện bị điểm F sẽ không tính trong tổng số tín chỉ bị điểm F để hạ bậc tốt nghiệp.

Điều 59. Thời gian thu học phí đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Đối với học kỳ chính:

a) Học kỳ thứ nhất, sinh viên thực hiện nghĩa vụ học phí theo thông báo nhập học, quy định của chương trình liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài và các thông báo có liên quan của Trường.

b) Từ học kỳ thứ hai, Trường xác định số tín chỉ chính thức làm căn cứ tính học phí và thông báo số học phí phải nộp cho sinh viên. Sinh viên sẽ thực hiện nộp học phí theo thông báo cụ thể của Nhà trường.

2. Đối với học kỳ phụ, học phí được xác định căn cứ vào số tín chỉ của các học phần sinh viên đăng ký và được Trường chấp nhận. Trường sẽ thông báo số học phí phải nộp và thời hạn thu học phí trước khi bắt đầu học kỳ phụ.

Điều 60. Quy trình tổ chức giảng dạy đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Dựa trên kế hoạch học kỳ, Viện Đào tạo quốc tế xây dựng thời khóa biểu dự kiến, gửi các đơn vị quản lý học phần.

2. Đơn vị quản lý học phần phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại Viện Đào tạo quốc tế.

3. Viện Đào tạo quốc tế thực hiện:

a) Đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên cổng đào tạo của Trường để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

b) Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

c) Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

d) Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chương trình đào tạo và đơn vị quản lý học phần;

đ) Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu.

Điều 61. Đánh giá học phần đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Đối với các học phần lý thuyết và thực hành/thảo luận:

a) Điểm học phần được đánh giá qua ba điểm thành phần với trọng số quy định như sau: Điểm chuyên cần (0,1); điểm thực hành (0,3); điểm thi kết thúc học phần (0,6);

b) Nếu điểm thi kết thúc học phần bằng 0 điểm (điểm liệt), thì điểm học phần đó bằng 0 điểm.

2. Đối với các học phần thực hành:

a) Điểm học phần được đánh giá qua ba điểm thành phần với trọng số quy định như sau: Điểm chuyên cần (0,2); điểm thực hành quá trình (0,3); điểm thực hành cuối kỳ (0,5);

b) Nếu điểm thực hành cuối kỳ bằng 0 điểm (điểm liệt), thì điểm học phần đó bằng 0 điểm.

3. Đối với học phần đặc biệt

a) Học phần thực tập/thực tế nghề nghiệp tại đơn vị thực tế: điểm học phần được đánh giá qua hai điểm thành phần với trọng số quy định như sau: điểm chuyên cần (0,4); điểm thực hành (0,6).

b) Học phần tốt nghiệp: điểm học phần được quy định chi tiết tại đề cương học phần.

c) Học phần Giáo dục thể chất: được đánh giá riêng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

d) Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh: được đánh giá theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của đơn vị liên kết đào tạo.

đ) Các học phần đặc biệt khác: việc lựa chọn hình thức đánh giá và trọng số điểm thành phần cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do đơn vị quản lý học phần đề xuất và Hiệu trưởng phê duyệt trong đề cương học phần.

Điều 62. Thời gian thi hết học phần đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Đối với học kỳ chính, Trường tổ chức 01 kỳ thi hết học phần trong khoảng thời gian 03 tuần cuối của học kỳ.

2. Đối với học kỳ phụ, Trường tổ chức thi hết học phần vào tuần cuối cùng của học kỳ.

Điều 63. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Để tính điểm trung bình học kỳ/năm học/tích lũy, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

A quy đổi thành 4,0;

B+ quy đổi thành 3,5;

B quy đổi thành 3,0;

C+ quy đổi thành 2,5;

C quy đổi thành 2,0;

D+ quy đổi thành 1,5;

D quy đổi thành 1,0;

F quy đổi thành 0,0.

2. Điểm trung bình học kỳ/năm học/tích lũy được xác định theo công thức sau và được làm tròn đến hàng phần trăm:

$$M = \frac{\sum_{i=1}^N \text{mini}}{\sum_{i=1}^N ni}$$

Trong đó:

M là điểm trung bình học kỳ/năm học/tích lũy

m_i là điểm học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

N là tổng số học phần đăng ký và được duyệt của học kỳ/ năm học hoặc tổng số học phần đạt từ đầu khóa học đến thời điểm xét, trong đó:

a) Điểm trung bình học kỳ/năm học được tính theo điểm học phần đã đăng ký học được duyệt ở học kỳ/năm học đó, bao gồm cả học phần không được dự thi hoặc vắng thi không có lý do.

b) Điểm trung bình tích lũy được tính theo điểm cao nhất của học phần và chỉ tính những học phần đạt từ điểm D trở lên ($m_i \geq 1$ theo thang điểm 4).

3. Những điểm chữ loại đạt không phân mức được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 và điểm chữ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 của Quy chế này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ/năm học hoặc tích lũy.

4. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

5. Xếp loại lực học của sinh viên theo thang điểm 4 như sau:

Từ 3,60 đến 4,00: Xuất sắc;

Từ 3,20 đến 3,59: Giỏi;

Từ 2,50 đến 3,19: Khá;

Từ 2,00 đến 2,49: Trung bình;

Từ 1,00 đến 1,99: Yếu;

Dưới 1,00: Kém.

Điều 64. Xử lý kết quả học tập đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Sau mỗi học kỳ chính, sinh viên bị cảnh báo học tập khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 (tính theo đăng ký học tập, không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh);

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba; dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

d) Sinh viên không đăng ký học tập trong học kỳ chính; trong đó, đăng ký học tập được tính bao gồm Giáo dục thể chất.

2. Sau mỗi học kỳ chính, sinh viên bị buộc thôi học khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) Bị cảnh báo học tập 3 lần liên tiếp;
 - b) Số lần cảnh báo học tập vượt quá 4 lần tính từ đầu khóa học cho đến thời điểm xét;
 - c) Vượt quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định của Trường.
3. Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học

Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường được Hiệu trưởng ra quyết định thành lập căn cứ vào đề xuất của Viện Đào tạo quốc tế. Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền);
- Ủy viên thường trực: Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế;
- Ủy viên thư ký: Phó Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế;
- Các ủy viên: Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ; Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Chủ tịch Hội sinh viên Trường; Trưởng Ban quản lý đào tạo (Viện Đào tạo quốc tế) và một số ủy viên khác (nếu có).

- b) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Viện, gồm:
 - Chủ tịch hội đồng: Viện trưởng;
 - Ủy viên thường trực: Phó Viện trưởng;
 - Ủy viên thư ký: Trưởng Ban quản lý đào tạo;
 - Các ủy viên, gồm: Bí thư Liên chi đoàn và Chi hội trưởng chi hội sinh viên và một số ủy viên khác (nếu có).

4. Quy trình xét cảnh báo học tập, buộc thôi học

a) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Viện họp xét, tổng hợp danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo học tập, buộc thôi học thuộc đơn vị quản lý, đề nghị Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường xem xét quyết định;

b) Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường họp, xem xét và kết luận cảnh báo học tập, buộc thôi học đối với từng trường hợp cụ thể. Kết luận của Hội đồng được Viện Đào tạo quốc tế thông báo trên website, fanpage của Viện Đào tạo quốc tế và cổng đào tạo của Trường.

c) Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét cảnh báo học tập, buộc thôi học cấp Trường, Viện Đào tạo quốc tế tổng hợp kết quả và trình Hiệu trưởng ra quyết định cảnh báo học tập và quyết định buộc thôi học do kết quả học tập kém đối với sinh viên;

d) Ngay sau khi có quyết định cảnh báo học tập, chậm nhất trong vòng 01 tuần làm việc, Viện Đào tạo quốc tế phải thực hiện cảnh báo sớm, tư vấn học tập, thông báo

cho sinh viên và có phương án đề xuất Trường tạo điều kiện để sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện hoặc điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp.

đ) Chậm nhất một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Viện Đào tạo quốc tế phải thông báo cho sinh viên biết.

e) Trường hợp tại Trường có chương trình đào tạo phù hợp theo hình thức đào tạo thường xuyên, những sinh viên liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục nước ngoài thuộc diện bị buộc thôi học theo quy định tại Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới theo quy định tại Quy chế này. Thời gian học tập chuẩn toàn khóa và thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành chương trình mới tương ứng theo quy định của hình thức đào tạo thường xuyên, tính từ thời điểm sinh viên nhập học chương trình cũ.

Chương IX

TÍCH LŨY TÍN CHỈ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Điều 65. Đối tượng áp dụng và phạm vi học phần được đăng ký

1. Học sinh trung học phổ thông thuộc đối tượng được miễn thi tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã hoàn thành và đạt kết quả học tập xếp loại tốt năm học lớp 10, 11 cấp học trung học phổ thông, được phép đăng ký học tích lũy tín chỉ giáo dục đại học của Trường và cơ sở giáo dục đại học khác.

2. Học sinh thuộc đối tượng theo quy định khoản 1 Điều này được đăng ký tích lũy:

a) Các học phần dùng chung (các môn Lý luận chính trị, Pháp luật hoặc kiến thức chung giữa các ngành) được áp dụng thống nhất trong chương trình đào tạo đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Ngoài quy định tại điểm a Khoản này, Trường có thể xem xét bổ sung học phần học sinh được đăng ký tích lũy và quy định cụ thể trong thông báo hằng năm của Trường.

Điều 66. Trách nhiệm quản lý của Trường và cơ sở giáo dục phổ thông

1. Trường giao nhiệm vụ cho đơn vị quản lý đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên đăng ký học tập, rút bớt học phần đã đăng ký, quản lý sinh viên trong quá trình học tập; giao nhiệm vụ cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục có trách nhiệm lưu trữ kết quả học tập của sinh viên.

2. Trường phối hợp với cơ sở giáo dục phổ thông trong hỗ trợ sinh viên tổ chức đăng ký học tập, quản lý sinh viên trong quá trình học tập tại Trường.

3. Trường giao nhiệm vụ cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục có trách nhiệm là đơn vị đầu mối tổ chức cấp chứng chỉ giáo dục đại học cho sinh viên theo quy định.

Điều 67. Quyền lợi và nghĩa vụ của học sinh

1. Quyền lợi của học sinh

Kết quả học tập của học sinh tích lũy tại Trường và cơ sở giáo dục đại học khác được xem xét công nhận vào chương trình đào tạo trình độ đại học sau khi sinh viên đáp ứng điều kiện trúng tuyển hoặc được công nhận là sinh viên của Trường, đồng thời kết quả học tập phải còn phù hợp với chuẩn đầu ra và thời hạn giá trị.

2. Nghĩa vụ của học sinh

Tuân thủ đầy đủ các quy định về đăng ký học tập tại Điều này, đóng học phí đầy đủ và thực hiện đúng các quy định quản lý lớp học phần của Trường.

Điều 68. Thông báo về việc tích lũy tín chỉ giáo dục đại học đối với học sinh trung học phổ thông

1. Hằng năm, Phòng Quản lý đào tạo phối hợp các đơn vị liên quan trình Hiệu trưởng ban hành thông báo chi tiết các nội dung liên quan đến tích lũy tín chỉ giáo dục đại học đối với học sinh trung học phổ thông

2. Nội dung thông báo bao gồm: đăng ký, rút bớt học phần; khối lượng và thời gian học tập; học phí, điều kiện cấp chứng chỉ; thời hạn của chứng chỉ;...

Chương X

CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ

Điều 69. Chứng chỉ giáo dục đại học

1. Kết quả tích lũy được sử dụng làm căn cứ công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong cùng Trường hoặc khi chuyển chương trình đào tạo, chuyên ngành, chuyển Trường, chuyển hình thức học theo quy định của Trường. Trường xác nhận, cấp chứng chỉ giáo dục đại học cho sinh viên hoàn thành học phần hoặc một phần của chương trình đào tạo.

2. Chứng chỉ giáo dục đại học có thời hạn giá trị tối đa không vượt quá 2,0 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo kể từ ngày cấp chứng chỉ.

Điều 70. Nguyên tắc xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học

phần trong chương trình đào tạo theo học dựa trên khối lượng học tập, nội dung chuyên môn, chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Sinh viên được Trường xem xét công nhận để chuyển đổi tín chỉ của các học phần (do Trường giảng dạy) trên cơ sở kết quả học tập theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa hoặc các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm mà sinh viên đã tích lũy được thông qua quá trình học tập làm việc khi bảo đảm:

a) Phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá học thuật, bảo đảm công bằng, minh bạch và chất lượng chương trình đào tạo, thời hạn sử dụng công nhận kết quả học tập, chứng chỉ;

c) Phù hợp với các quy định của Trường về điều kiện, tiêu chí đánh giá; quy trình xét công nhận; thời hạn hiệu lực của kết quả học tập; giới hạn số tín chỉ được công nhận; các trường hợp phải đánh giá bổ sung; thẩm quyền quyết định và cơ chế giải quyết khiếu nại;

d) Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ phải dựa trên đối sánh chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, nội dung học tập, mức độ tương đương về đánh giá, điều kiện bảo đảm chất lượng và tính xác thực của kết quả học tập; kết quả công nhận không làm giảm yêu cầu chất lượng hoặc thay đổi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

đ) Các chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng làm minh chứng đạt yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

3. Đối với học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, việc xem xét công nhận để chuyển đổi tín chỉ được thực hiện theo quy định của đơn vị liên kết đào tạo.

4. Ngoài quy định ở khoản 2 Điều này, kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy được Trường xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo nguyên tắc quy đổi tương đương như sau:

02 đơn vị học trình = 30 tiết = 1TC

03 đơn vị học trình = 45 tiết = 2TC

04 đơn vị học trình = 60 tiết = 3TC

05 đơn vị học trình = 75 tiết = 4TC

5. Khối lượng học tập tối đa được công nhận, chuyển đổi đối với sinh viên đã tích lũy từ một trình độ/ngành đào tạo từ một cơ sở đào tạo khác không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo. Trong trường hợp trao đổi sinh viên và hợp tác đào tạo, khối lượng học tập tối đa được công nhận, chuyển đổi tín chỉ không vượt quá 25% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo mà sinh viên đang học. Hiệu trưởng quyết định khối lượng học tập tối đa được công nhận, chuyển đổi tín

chỉ đối với sinh viên của Trường khi chuyển đổi ngành/hình thức đào tạo/học cùng một lúc hai chương trình.

6. Bảng điểm của sinh viên phải ghi đầy đủ kết quả học tập các học phần trong thời gian đào tạo tại Trường và các học phần theo chương trình đào tạo đã được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ. Đối với đối tượng đào tạo liên thông theo quy định tại Điều 82 Quy chế này, bảng điểm cũng ghi đầy đủ các học phần theo chương trình đào tạo đã được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ và ghi ký hiệu R.

Điều 71. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (sau đây gọi tắt là Hội đồng chuyên môn) chịu trách nhiệm tư vấn cho Hiệu trưởng về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên.

2. Hội đồng chuyên môn gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo trình độ đại học

c) Ủy viên thường trực: Trưởng đơn vị quản lý đào tạo

d) Ủy viên thư ký: Phó Trưởng đơn vị quản lý đào tạo

đ) Các ủy viên, gồm: Trưởng đơn vị phụ trách chương trình đào tạo có sinh viên được xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ; Trưởng phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ; Trưởng phòng Quản lý đào tạo (đối với chương trình đào tạo do Viện Đào tạo quốc tế quản lý), Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục và một số ủy viên khác (nếu có).

Điều 72. Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Đối với sinh viên liên thông, việc xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy từ một trình độ/ngành đào tạo khác được thực hiện đồng thời với quá trình tuyển sinh. Quy trình như sau:

a) Thí sinh nộp đơn đăng ký xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ kèm các minh chứng cần thiết theo thông báo của Trường.

b) Đơn vị quản lý đào tạo tổng hợp danh sách thí sinh đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, báo cáo Hội đồng chuyên môn xem xét.

c) Hội đồng chuyên môn họp, xem xét và đề nghị công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với từng trường hợp cụ thể.

d) Căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn, đơn vị quản lý đào tạo tổng hợp kết quả, trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên, công bố công khai trên website và cập nhật lên hệ thống của Trường.

2. Đối với sinh viên được chuyển ngành đào tạo hoặc được tiếp nhận chuyển

trường về học tập tại Trường, quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy như sau:

a) Khi sinh viên được phép chuyển ngành đào tạo hoặc khi được tiếp nhận vào học (trường hợp chuyển trường), sinh viên làm đơn đề nghị Trường xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần đã tích lũy kèm theo bản sao Kết quả học tập nộp về đơn vị quản lý đào tạo.

b) Đơn vị quản lý đào tạo tổng hợp danh sách sinh viên đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, báo cáo Hội đồng chuyên môn xem xét và quyết định.

c) Hội đồng chuyên môn họp, xem xét và đề nghị công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên.

d) Căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn, đơn vị quản lý đào tạo tổng hợp kết quả và trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ; cập nhật điểm lên hệ thống và thông báo cho sinh viên thông qua tài khoản học tập cá nhân của sinh viên.

3. Đối với sinh viên học cùng một lúc hai chương trình hoặc chuyển hình thức đào tạo, quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy được thực hiện như sau:

a) Đối với các học phần có cùng tên gọi, mã học phần, nội dung kiến thức và số lượng tín chỉ giữa các chương trình/ngành (chuyên ngành), Trường sẽ cập nhật, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ;

b) Đối với các học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương nhưng có thể khác nhau tên gọi/mã học phần/số lượng tín chỉ của học phần thay thế lớn hơn hoặc bằng so với học phần gốc giữa các chương trình/ngành (chuyên ngành) nhưng đáp ứng các nguyên tắc tại Điều 70 Quy chế này, Phòng Quản lý đào tạo căn cứ danh mục các học phần thay thế đã ban hành, tổng hợp danh sách sinh viên và các học phần đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

4. Đối với sinh viên tham gia chương trình trao đổi sinh viên giữa Trường với các cơ sở đào tạo khác, quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ được thực hiện theo Điều 79 Quy chế này.

Chương XI

THỰC TẬP VÀ LÀM TỐT NGHIỆP KHÓA HỌC; XÉT, CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 73. Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học

1. Trường ban hành Quy định thực tập và làm tốt nghiệp khóa học hoặc Thông báo thực tập và làm tốt nghiệp khóa học theo từng năm học, bao gồm điều kiện đi thực

tập và làm tốt nghiệp, quy định về phân công giáo viên hướng dẫn, đánh giá kết quả làm tốt nghiệp...

2. Đầu học kỳ cuối khóa, sinh viên đủ điều kiện làm tốt nghiệp khóa học theo quy định được đăng ký đi thực tập tốt nghiệp.

3. Thực tập tốt nghiệp được áp dụng theo quy định cụ thể đối với từng chương trình đào tạo.

Điều 74. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ số tín chỉ của các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo và được xếp loại học lực từ trung bình trở lên;

b) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường;

c) Hoàn thành các yêu cầu cần đạt của chương trình đào tạo và các yêu cầu khác theo quy định chuẩn chương trình đào tạo;

d) Ngoài các quy định tại điểm a, b, c Khoản này, sinh viên thuộc chương trình đào tạo song bằng quốc tế chỉ được xét và công nhận tốt nghiệp khi đã hoàn thành đầy đủ các điều kiện xét tốt nghiệp đối với cả hai chương trình đào tạo;

đ) Phải đăng ký xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm so với thời gian học tập chuẩn toàn khóa theo thông báo của Trường.

2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân hiện hành tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Trường.

3. Những sinh viên có đủ các điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp theo đúng thời gian học tập chuẩn toàn khóa nếu có nhu cầu tiếp tục học cải thiện để nâng hạng tốt nghiệp phải đăng ký hoãn xét tốt nghiệp theo thông báo của Trường.

Điều 75. Kỳ xét tốt nghiệp và Hội đồng xét tốt nghiệp

1. Mỗi năm học, Trường tổ chức 2 kỳ xét tốt nghiệp chính cho sinh viên (vào tháng 5-6 và tháng 12-1). Ngoài ra, để tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội việc làm sớm, Hiệu trưởng xem xét quyết định các đợt xét tốt nghiệp bổ sung (vào tháng 8-9 và tháng 2-3) sau khi có kết quả học lại, học cải thiện điểm của sinh viên.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp

a) Đơn vị quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp.

b) Thành phần Hội đồng xét tốt nghiệp gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền);

- Ủy viên thường trực: Trưởng đơn vị quản lý đào tạo;
- Ủy viên thư ký: Phó Trưởng đơn vị quản lý đào tạo;
- Các ủy viên gồm: Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng phòng Pháp chế và Kiểm tra nội bộ, Trưởng các đơn vị quản lý sinh viên có sinh viên tốt nghiệp và một số ủy viên khác (nếu có).

c) Đối với chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, thời điểm và thành phần Hội đồng xét tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài.

Điều 76. Cấp bằng tốt nghiệp, cấp chứng nhận học phần

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành) hoặc ngành chính – phụ. Phụ lục văn bằng (bảng điểm tốt nghiệp) ghi thêm loại hình chương trình đào tạo.

2. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa theo quy định tại Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại quá 10% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh);

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học;

c) Sinh viên vi phạm các quy định về liêm chính học thuật, liêm chính khoa học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào Bảng điểm, trong đó ghi rõ ngành đào tạo hoặc ngành chính - phụ (nếu có).

4. Sinh viên không tốt nghiệp:

a) Được cấp chứng chỉ giáo dục đại học hoặc bảng điểm các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo;

b) Được xác nhận đã tham gia học tập các học phần trong chương trình đào tạo Trường.

5. Sinh viên hết thời gian học tập hình thức đào tạo chính quy không tốt nghiệp, nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua hình thức đào tạo thường xuyên tại Trường nếu còn trong thời gian học tập theo quy định đối với hình thức đào tạo chuyển đến. Sinh viên được công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại Quy chế này.

Chương XII

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP, XỬ LÝ VI PHẠM CỦA SINH VIÊN

Điều 77. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được xem xét nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau và không tính vào thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc gia, quốc tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

2. Sinh viên xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học vì lý do cá nhân khác (không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này) nếu đã học tối thiểu 01 học kỳ ở Trường và không thuộc diện cảnh báo học tập, không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân trong trường hợp này sẽ được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này.

3. Sinh viên muốn xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã tích lũy phải làm đơn có xác nhận của đơn vị quản lý sinh viên, kèm theo các minh chứng (nếu có) và nộp Phòng Công tác sinh viên để trình Hiệu trưởng xem xét, ra quyết định. Quy định chi tiết đối tượng, hồ sơ, quy trình xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã tích lũy được thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính đối với sinh viên của Trường.

4. Thời gian nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã tích lũy tối thiểu là 01 học kỳ (05 tháng) và tối đa là 02 học kỳ (10 tháng), trừ trường hợp sinh viên được điều động vào lực lượng vũ trang, ốm đau, thai sản, tai nạn, thực hiện nhiệm vụ quốc gia, quốc tế. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

5. Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp phải nộp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi sinh viên cư trú (Công an/Uỷ ban nhân dân xã, phường) cho đơn vị quản lý sinh viên, ít nhất 02 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới. Đơn vị quản lý sinh viên gửi hồ sơ về Phòng Công tác sinh viên để trình Hiệu trưởng xem xét, ra quyết định. Quy định chi tiết thủ tục xin quay trở lại học tiếp được thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính đối với sinh viên của Trường.

6. Sinh viên bị buộc thôi học hoặc xin thôi học, nếu có nguyện vọng quay trở lại học, phải tham gia dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

7. Sinh viên thôi học được Trường cấp giấy chứng nhận kết quả học tập đối với những học phần đã tích lũy trong thời gian học tại Trường (nếu có nhu cầu).

Điều 78. Chuyển ngành, chuyển Trường, chuyển hình thức đào tạo

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo khác khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Sinh viên đã đạt trình độ năm thứ nhất và không là sinh viên năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại Quy chế này;

b) Sinh viên đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo chuyển đến trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Sinh viên có điểm trung bình tích lũy phải đạt từ 3,00 trở lên.

d) Sinh viên không vi phạm các quy định thuộc Điều 83 Quy chế này và không chịu bất kỳ hình thức kỷ luật nào thuộc Quy định về công tác sinh viên hiện hành;

đ) Sinh viên chuyển đến phải đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tương ứng với chương trình đào tạo chuyển đến;

e) Trường đáp ứng đầy đủ điều kiện bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo trong toàn bộ thời gian tổ chức đào tạo và số lượng sinh viên không vượt năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định xác định số lượng tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp số lượng sinh viên xin chuyển ngành đào tạo vượt quá năng lực đào tạo đối với ngành đào tạo chuyển đến, Trường sẽ xét tuyển theo kết quả học tập từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

g) Được sự đồng ý của trường khoa/viện quản lý chương trình đào tạo (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của Hiệu trưởng.

2. Sinh viên được xem xét chuyển Trường khi có đủ các điều kiện sau trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Sinh viên đã đạt trình độ năm thứ nhất và không là sinh viên năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Sinh viên không trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo mà sinh viên chuyển đến theo quy định xác định số lượng tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

đ) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy sang hình thức đào tạo thường xuyên của Trường nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến. Trong đó, thời gian học tập tối đa tính từ khi sinh viên nhập học vào Trường.

4. Việc chuyển sinh viên trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi quyết định cấp phép hoạt động thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Thủ tục và quy trình xét chuyển ngành/hình thức đào tạo

a) Thủ tục xét chuyển ngành/hình thức đào tạo

Sinh viên nếu có nguyện vọng chuyển ngành/hình thức đào tạo cần chuẩn bị các giấy tờ sau:

- Đơn xin chuyển ngành/hình thức đào tạo có ý kiến của Trường đơn vị quản lý sinh viên chuyển đến/chuyển đi;

- Giấy xác nhận kết quả học tập.

b) Quy trình xét chuyển ngành/hình thức đào tạo

- Trước khi bắt đầu năm học, sinh viên nộp các giấy tờ quy định tại điểm a khoản này cho đơn vị quản lý đào tạo. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

- Tuần đầu năm học, đơn vị quản lý đào tạo tổng hợp danh sách, xem xét các điều kiện của sinh viên xin chuyển ngành/hình thức đào tạo, trình Hiệu trưởng xét duyệt.

- Căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Hiệu trưởng xem xét và quyết định việc chuyển ngành/ hình thức đào tạo cho sinh viên. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ được thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

6. Hồ sơ và thủ tục xin chuyển trường

a) Hồ sơ xin chuyển trường bao gồm:

- Đơn xin chuyển trường;

- Giấy xác nhận Kết quả học tập và Kết quả rèn luyện;

- Giấy báo trúng tuyển;

- Các giấy tờ khác (nếu có);

b) Thủ tục chuyển trường:

- Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Đơn vị chức năng của Trường tiếp nhận hồ sơ xin chuyển trường của sinh viên, tổng hợp và trình Hiệu trưởng xem xét ra quyết định cho phép sinh viên được chuyển trường (đối với sinh viên chuyển đi) hoặc tiếp nhận sinh viên (đối với sinh viên chuyển đến);

- Việc xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các sinh viên được tiếp nhận chuyển trường sẽ được thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

Điều 79. Trao đổi sinh viên và hợp tác đào tạo

1. Đối tượng, thời gian và điều kiện đối với sinh viên trao đổi

a) Sinh viên trao đổi là sinh viên đào tạo theo hình thức chính quy được cử đi học trao đổi tại các trường đối tác trong và ngoài nước hoặc sinh viên của các trường đối tác

đến học tập tại Trường.

b) Thời gian sinh viên học trao đổi là một giai đoạn, một học kỳ hoặc một năm học. Sinh viên tham gia chương trình trao đổi theo đúng thời gian do Trường phê duyệt, không thực hiện gia hạn hoặc kéo dài thời gian trao đổi.

c) Sinh viên thỏa mãn các điều kiện sau đây được tham gia chương trình trao đổi sinh viên:

- Là sinh viên trình độ năm thứ hai, năm thứ ba của Trường và các trường đối tác trong và ngoài nước đã ký thỏa thuận trao đổi sinh viên đối với Trường; riêng đối với sinh viên đi trao đổi tại học kỳ 1 năm thứ hai, nếu sinh viên có số tín chỉ tích lũy chưa đạt trình độ năm thứ hai thì bắt buộc phải học đủ và đạt tất cả các học phần theo kế hoạch giảng dạy của Trường trong 02 học kỳ đầu của khóa học;

- Chưa tham gia chương trình trao đổi sinh viên lần nào;

- Có kết quả học tập tính theo điểm trung bình tích lũy đạt loại Khá trở lên;

- Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương ứng với chương trình đào tạo sinh viên đang theo học; đối với các chương trình trao đổi giảng dạy bằng ngoại ngữ, sinh viên phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tương ứng với ngôn ngữ đào tạo trong chương trình trao đổi;

- Chương trình đào tạo sinh viên đang theo học còn được Trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo ở khóa học tiếp theo;

- Bắt buộc đăng ký học tập tối thiểu 15 tín chỉ trong thời gian trao đổi tại trường đối tác. Trong đó, sinh viên bắt buộc phải công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tối thiểu 12 tín chỉ đối với chương trình trao đổi trong nước và tối thiểu 06 tín chỉ đối với chương trình trao đổi quốc tế.

- Không vi phạm các nội quy, quy định; không bị kỷ luật từ khiển trách trở lên; đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính trước thời điểm tham gia chương trình trao đổi; không thuộc diện cảnh báo học tập trong thời gian học tại Trường;

- Có đủ sức khỏe theo quy định;

- Đáp ứng được các yêu cầu khác theo Quy định quản lý hoạt động trao đổi sinh viên của Trường và trong thỏa thuận trao đổi đã ký kết giữa hai trường.

2. Quy trình thực hiện trao đổi sinh viên; xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ; quyền lợi và trách nhiệm của sinh viên trao đổi; và các quy định khác được thực hiện theo Quy định quản lý hoạt động trao đổi sinh viên của Trường.

3. Trên cơ sở đánh giá và công nhận kết quả học tập, sinh viên của Trường có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và bảo đảm tổng số tín chỉ sinh viên tích lũy tại các cơ sở đào tạo khác theo tất cả các hình thức đào tạo luôn thấp hơn 50% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo (không bao gồm Giáo

dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh) trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 78 của Quy chế này.

4. Trong hợp tác đào tạo, các cơ sở đào tạo chủ trì thỏa thuận hợp tác với cơ sở đào tạo phối hợp khai thác để sử dụng cơ sở thực hành, phòng thí nghiệm, học liệu, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện phục vụ đào tạo khác theo yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo; cơ sở phối hợp không tham gia vào hoạt động tổ chức giảng dạy để cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục đại học.

Điều 80. Học cùng lúc hai chương trình

1. Đối với phương thức đào tạo theo tín chỉ, sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của Trường cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau và các điều kiện khác của Trường:

a) Đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh) và đạt điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai của năm sinh viên trúng tuyển chương trình thứ nhất;

b) Đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh) và đạt điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai của năm sinh viên trúng tuyển chương trình thứ nhất.

3. Thủ tục và thời gian đăng ký học chương trình thứ 2

a) Vào đầu năm học, Trường thông báo chi tiết về việc đăng ký xét tuyển đại học chính quy chương trình thứ hai. Sinh viên có nguyện vọng theo học chương trình đào tạo thứ hai thực hiện đăng ký theo quy định.

b) Trên cơ sở nguyện vọng đăng ký của sinh viên và căn cứ vào các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này, Trường sẽ xét tuyển đại học chính quy chương trình thứ hai và tổ chức học tập theo quy định.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng ký muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 81. Học chương trình tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ

1. Sinh viên thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy (hoặc trình độ tương đương trở lên) của Trường, đã hoàn thành ít nhất 75% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo trình độ đại học ban đầu, đạt điểm trung bình tích lũy từ loại Khá trở lên (tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký học trước) được phép đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ cùng nhóm ngành đào tạo với bậc đại học.

2. Số tín chỉ tối đa được đăng ký học trước không vượt quá 40% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo thạc sĩ cùng nhóm ngành.

3. Các học phần được đăng ký học trước thuộc khối kiến thức chung và kiến thức ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ.

4. Thời hạn bảo lưu kết quả các học phần này trong vòng 05 năm tính từ ngày có kết quả hoàn thành học phần.

5. Quy trình sinh viên đăng ký học trước được thực hiện như sau:

a) Sinh viên tải mẫu Phiếu đăng ký trên trang điện tử của Trường (<http://saudaihoc.tmu.edu.vn/tuyensinh>). Nộp bản in Phiếu đăng ký tại Viện Đào tạo Sau đại học;

b) Viện Đào tạo Sau đại học xin ý kiến của Khoa/Viện chuyên ngành;

c) Căn cứ vào đề xuất của Viện Đào tạo Sau đại học và ý kiến của Khoa/Viện chuyên ngành, Hội đồng tuyển sinh sau đại học sẽ xem xét và quyết định.

6. Sinh viên không đủ điều kiện tiếp tục học chương trình thạc sĩ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị kỷ luật buộc thôi học;

b) Bảo lưu chương trình đào tạo trình độ đại học.

7. Sinh viên được cấp bằng cùng lúc trình độ đại học và trình độ thạc sĩ khi đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu cần đạt của từng giai đoạn và toàn bộ quá trình đào tạo.

8. Hằng kỳ, Viện Đào tạo sau đại học trình Hiệu trưởng ban hành thông báo học chương trình tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ đến sinh viên. Nội dung thông báo bao gồm: đối tượng, điều kiện, khối lượng học tập, học phí, quy trình và thủ tục đăng ký...

Điều 82. Đào tạo liên thông để cấp văn bằng trình độ đại học

1. Trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo cho người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo có bậc trình độ thấp hơn bậc 6 để theo học chương trình đào tạo trình độ đại học

khi Trường đã tổ chức đào tạo theo tín chỉ và đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa theo chương trình, ngành đào tạo và hình thức đào tạo mà sinh viên lựa chọn.

2. Sinh viên liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi chứng chỉ giáo dục đại học, số tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành.

3. Điều kiện, trình tự tiếp nhận học liên thông được hướng dẫn chi tiết tại thông báo tuyển sinh. Việc công nhận, chuyển đổi số lượng chứng chỉ giáo dục đại học, số tín chỉ và miễn trừ học phần cho sinh viên liên thông dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch với mọi đối tượng, bảo đảm chặt chẽ yêu cầu về chất lượng, áp dụng chuẩn đầu ra chung như đối với những sinh viên khác.

Điều 83. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Đối với nhóm hành vi gian lận trong quá trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, liên chính học thuật, liên chính khoa học: Nếu sinh viên vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm theo Quy định hoạt động khảo thí của Trường.

2. Đối với nhóm hành vi gian lận ở mức độ nghiêm trọng (có tổ chức hoặc dùng công nghệ):

a) Các hành vi gian lận ở mức độ nghiêm trọng bao gồm: gian lận hồ sơ học tập; nhờ người khác thi hộ hoặc đi thi hộ cho người khác; sử dụng trái phép trí tuệ nhân tạo (AI), công cụ số, phương tiện công nghệ để gian lận, mua hoặc bán bài tập, dự án/đồ án/khóa luận tốt nghiệp, can thiệp trái phép vào LMS hoặc hệ thống điểm.

b) Nếu sinh viên vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Chi tiết được thực hiện theo quy định công tác sinh viên của Trường.

3. Đối với nhóm hành vi sử dụng hồ sơ và văn bằng giả, chứng chỉ giả (ngoại ngữ, tin học, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông,...) để làm điều kiện trúng tuyển (đầu vào); làm điều kiện xét tốt nghiệp (đầu ra): Nếu sinh viên vi phạm sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

4. Đối với các hành vi vi phạm khác ngoài quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; quy định về công tác sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

Chương XIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 84. Xây dựng và thực hiện quy chế của Trường

1. Quy chế này là căn cứ để Hiệu trưởng ban hành các quy định cụ thể về tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học.

2. Căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành khác có liên quan, Hiệu trưởng có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường trên cơ sở tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

b) Ban hành các quyết định về hình thức đào tạo chính quy, hình thức đào tạo thường xuyên, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông (nếu có) bảo đảm đầy đủ các yêu cầu theo Quy chế này; trong đó phải ghi rõ tên chương trình, ngành, hình thức đào tạo, đối tượng, số lượng và phương thức tuyển sinh, địa điểm đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo và các thông tin khác có liên quan;

c) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên quy chế của Trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên ngay đầu khóa học;

d) Tổ chức kiểm tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế của Trường và các nhiệm vụ khác liên quan đến đào tạo; chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

3. Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục là đơn vị đầu mối tư vấn cho Hiệu trưởng ban hành quy định các nội dung về việc thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong đối với hoạt động đào tạo trình độ đại học; thường xuyên theo dõi, đánh giá, sử dụng kết quả phản hồi của sinh viên, giảng viên, người sử dụng lao động và các bên liên quan để cải tiến chương trình đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng.

Điều 85. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm:

a) Trường lưu trữ, cập nhật dữ liệu về hoạt động giáo dục đại học trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học bao gồm: số liệu sinh viên tuyển mới, sinh viên tốt nghiệp, văn bằng tốt nghiệp, sinh viên thôi học và đang học trong năm, sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng sau tốt nghiệp; phân loại theo đối tượng đầu vào, chương trình đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Trường thông báo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo về tình hình tuyển sinh và đào tạo tại địa phương.

2. Trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định về lưu trữ.

a) Quyết định trúng tuyển, sổ bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Trường;

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Trường công khai trên trang thông tin điện tử chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a) Quy chế của Trường và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

b) Quyết định ban hành chương trình đào tạo, quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hoặc quyết định mở ngành đào tạo và các quyết định nêu tại khoản 1 Điều này đối với chương trình sẽ tổ chức đào tạo;

c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

đ) Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

e) Các minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo theo quy định tại Quy chế này.

4. Trường công khai trên trang thông tin điện tử các văn bản hướng dẫn sinh viên thực hiện quyền được đối xử công bằng trong quá trình học tập tại Trường (sinh viên có thể khiếu nại khi quyền lợi bị xâm phạm, trong xét tốt nghiệp, trong đánh giá học phần, hay trong xử lý kỷ luật).

Điều 86. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy chế này áp dụng từ khóa 63 đại học chính quy, khóa 17 đại học đào tạo từ xa, khóa 24 liên kết đào tạo với nước ngoài và khóa tuyển sinh đại học vừa làm vừa học từ năm 2027 trở đi.

2. Đối với các khóa đang đào tạo theo các hình thức chính quy, vừa làm vừa học, từ xa; hoạt động liên kết đào tạo đã ký kết, đã tuyển sinh; kết quả học tập, tín chỉ, học phần, chứng chỉ đã được công nhận, chuyển đổi hoặc miễn trừ thì thực hiện theo các Quy chế đào tạo trình độ đại học có hiệu lực tại thời điểm thông báo tuyển sinh.

3. Các chứng chỉ ngoại ngữ, minh chứng năng lực ngoại ngữ sử dụng cho các chương trình đào tạo trình độ đại học quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư

số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

4. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên theo các chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức thực hiện theo Quy chế này áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ trong các Chuẩn chương trình đào tạo đã ban hành.

Trường hợp chưa có chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành, lĩnh vực thì chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên tiếp tục áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ quy định tại các chương trình đào tạo đã ban hành trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực cho đến khi có Chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành, lĩnh vực tương ứng.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Quản lý đào tạo để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng